



BẢN CÁO BẠCH

**Công ty Cổ phần chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**



**Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng
Đầu tư và Phát triển Việt Nam**
Website: www.bsc.com.vn

Trụ sở chính: Tầng 10, 11 Tòa tháp BIDV,
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722

Chi nhánh: Lầu 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ,
Q.1, Tp Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8886

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do UBCKNN ngày 19 tháng 07 năm 2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngàytháng.....năm.....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2017 tại:



TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 39352722 **Fax:** (84.24) 22200669

Website: www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 38218886 **Fax:** (+84-28) 38218510

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Đỗ Huy Hoài

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 024.22200668

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do UBCKNN ngày 19 tháng 07 năm 2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--|---|
| Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam. |
| Mệnh giá | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Giá khởi điểm đầu giá | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số lượng chào bán | : 10.000.000 cổ phiếu (dưới hình thức chào bán ra công chúng) |
| Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá) | : 100.000.000.000 đồng |

111
CỘNG
HỘ
ỨNG
NHÀ
PH
VIỆ
N KI

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (+84.24) 3831 5100

Fax: (+84.24) 3831 5090



MỤC LỤC

| | | |
|-------------|---|-----------|
| I. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 8 |
| 1. | Rủi ro kinh tế | 8 |
| 1.1. | Tốc độ tăng trưởng kinh tế | 8 |
| 1.2. | Rủi ro lạm phát | 9 |
| 1.3. | Rủi ro lãi suất | 10 |
| 2. | Rủi ro luật pháp | 10 |
| 3. | Rủi ro đặc thù ngành nghề | 11 |
| 3.1. | Rủi ro cạnh tranh | 11 |
| 3.2. | Rủi ro nhân sự | 11 |
| 3.3. | Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán | 11 |
| 4. | Rủi ro của đợt chào bán | 11 |
| 5. | Rủi ro pha loãng cổ phiếu | 12 |
| 5.1. | Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) | 12 |
| 5.2. | Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách | 13 |
| 5.3. | Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết | 13 |
| 6. | Rủi ro quản trị công ty | 13 |
| 7. | Các rủi ro khác | 14 |
| II. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 15 |
| 1. | Tổ chức phát hành | 15 |
| 2. | Tổ chức tư vấn | 15 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT | 15 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 17 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 17 |
| 1.1. | Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành | 17 |
| 1.2. | Lịch sử hình thành và phát triển | 18 |
| 1.3. | Quá trình tăng vốn điều lệ | 20 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức của Công ty | 22 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 23 |
| 3.1. | Đại hội đồng cổ đông | 25 |

| | | |
|------|--|----|
| 3.2. | Hội đồng quản trị..... | 26 |
| 3.3. | Ban kiểm soát..... | 28 |
| 3.4. | Ban Điều hành..... | 28 |
| 4. | Cơ cấu và Danh sách cổ đông..... | 29 |
| 4.1. | Cơ cấu cổ đông..... | 29 |
| 4.2. | Danh sách cổ đông lớn..... | 30 |
| 4.3. | Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ..... | 31 |
| 5. | Danh sách công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty..... | 31 |
| 5.1. | Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của BSC .. | 31 |
| 5.2. | Danh sách công ty con của BSC..... | 32 |
| 5.3. | Danh sách những công ty mà BSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối..... | 32 |
| 6. | Hoạt động kinh doanh..... | 32 |
| 6.1. | Doanh thu các mảng hoạt động kinh doanh qua các năm..... | 32 |
| 6.2. | Chi phí kinh doanh..... | 43 |
| 6.3. | Trình độ công nghệ..... | 44 |
| 6.4. | Hệ thống quản trị rủi ro..... | 46 |
| 6.5. | Hoạt động marketing..... | 51 |
| 6.6. | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền..... | 52 |
| 6.7. | Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết..... | 53 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất..... | 55 |
| 7.1. | Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất..... | 55 |
| 7.2. | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo..... | 56 |
| 8. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành khác..... | 57 |
| 8.1. | Vị thế của Công ty trong ngành..... | 57 |
| 8.2. | Triển vọng phát triển của ngành..... | 58 |



| | | |
|-----------|---|-----------|
| 8.3. | Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới | 60 |
| 9. | Chính sách với người lao động | 61 |
| 9.1. | Số lượng và cơ cấu lao động..... | 61 |
| 9.2. | Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp..... | 63 |
| 10. | Chính sách cổ tức | 67 |
| 11. | Tình hình tài chính..... | 67 |
| 11.1. | Các chỉ tiêu tài chính cơ bản..... | 67 |
| 11.2. | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 72 |
| 11.3. | Báo cáo về tỷ lệ an toàn tài chính | 73 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng | 74 |
| 12.1. | Hội đồng Quản trị..... | 74 |
| 12.2. | Ban kiểm soát | 82 |
| 12.3. | Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | 87 |
| 13. | Tình hình tài sản..... | 92 |
| 14. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 92 |
| 14.1. | Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức | 92 |
| 14.2. | Căn cứ để Công ty đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên..... | 94 |
| 15. | Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán.. | 96 |
| 16. | Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty | 96 |
| 17. | Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán..... | 97 |
| V. | CỔ PHIẾU CHÀO BÁN | 97 |
| 1. | Loại cổ phiếu | 97 |
| 2. | Mệnh giá..... | 97 |
| 3. | Một số thông tin chung | 97 |
| 4. | Giá chào bán dự kiến | 98 |
| 5. | Phương pháp tính giá..... | 98 |
| 6. | Phương thức phân phối | 98 |
| 7. | Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến | 98 |
| 8. | Đăng ký mua cổ phiếu | 99 |
| 9. | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 100 |

| | | |
|-------|---|-----|
| 10. | Các hạn chế liên quan đến vấn đề chuyển nhượng | 101 |
| 11. | Các loại thuế liên quan | 101 |
| 11.1. | Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty | 101 |
| 11.2. | Các loại thuế liên quan đến Nhà đầu tư, cổ đông của Công ty | 102 |
| 12. | Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu | 103 |
| VI. | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 104 |
| VII. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 104 |
| VIII. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN | 105 |
| IX. | PHỤ LỤC | 107 |

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

| | |
|--|----|
| Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm..... | 8 |
| Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm..... | 9 |
| Biểu đồ 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty | 22 |
| Biểu đồ 4: Điểm nhấn hoạt động môi giới | 34 |
| Biểu đồ 5: Mô hình ba tuyến phòng vệ..... | 46 |
| Biểu đồ 6: Văn hóa quản trị rủi ro..... | 50 |
| Biểu đồ 7: Cơ cấu nguồn nhân lực tại BSC tại thời điểm 31/12/2016..... | 61 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|-----|
| Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ kể từ khi chuyển thành CTCP đến nay | 20 |
| Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/09/2017 | 29 |
| Bảng 3: Danh sách cổ đông lớn | 30 |
| Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập | 31 |
| Bảng 5: Một số chỉ tiêu chính của BIDV | 32 |
| Bảng 6: Chi tiết doanh thu theo mảng hoạt động qua các năm | 32 |
| Bảng 7: Chi tiết danh mục đầu tư tại thời điểm 30/09/2017 | 37 |
| Bảng 8: Cơ cấu chi phí qua các năm | 43 |
| Bảng 9: Vai trò quản trị rủi ro theo cấp quản lý | 47 |
| Bảng 10: Các hợp đồng lớn tại BSC | 53 |
| Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh 2015, 2016 và 9 tháng 2017 | 55 |
| Bảng 12: Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô | 59 |
| Bảng 13: Ban Điều hành chia theo giới tính và nhóm tuổi | 62 |
| Bảng 14: Các khóa đào tạo và tư vấn tại BSC | 64 |
| Bảng 15: Tổng hợp thu nhập lương thưởng, phúc lợi của cán bộ BSC năm 2016 | 66 |
| Bảng 16: Cơ cấu vốn chủ sở hữu | 68 |
| Bảng 17: Dư nợ ngắn hạn | 70 |
| Bảng 18: Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước | 70 |
| Bảng 19: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | 71 |
| Bảng 20: Dư nợ ngắn và dài hạn | 71 |
| Bảng 21: Các khoản phải thu ngắn hạn | 71 |
| Bảng 22: Các khoản phải trả | 72 |
| Bảng 23: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty | 73 |
| Bảng 24: Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn tài chính | 73 |
| Bảng 25: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2017 | 92 |
| Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh | 92 |
| Bảng 27: Kế hoạch sử dụng vốn | 104 |

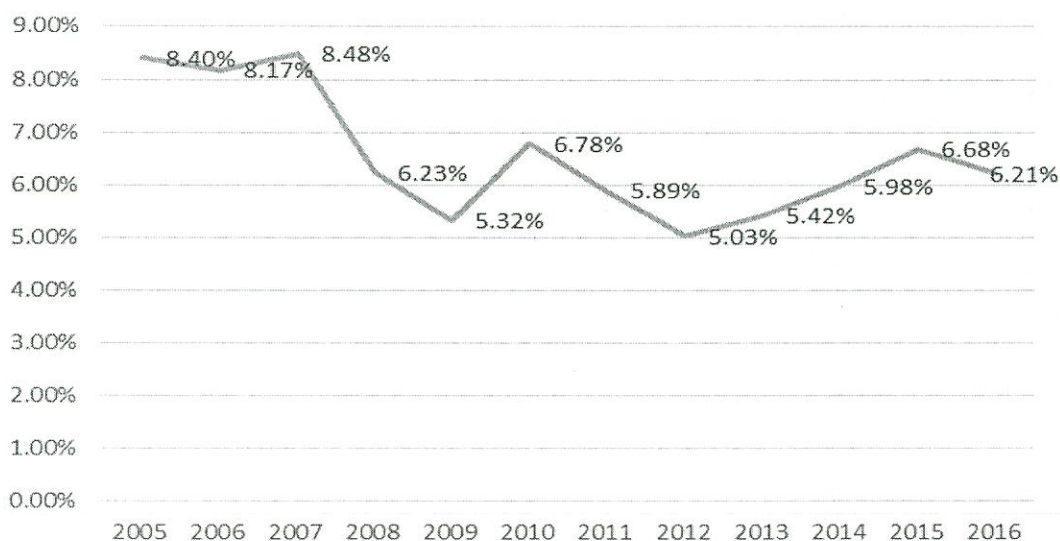
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Các yếu tố cơ bản của nền kinh tế luôn có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp. Đối với các công ty chứng khoán, do tính chất hoạt động kinh doanh gắn liền với thị trường chứng khoán là thị trường phản ứng nhanh nhạy với sự thay đổi của các yếu tố kinh vĩ mô, các nhân tố cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, v.v... có ảnh hưởng lớn. Hoạt động kinh doanh của BSC cũng như các công ty chứng khoán khác chịu tác động của những nhân tố nêu trên.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

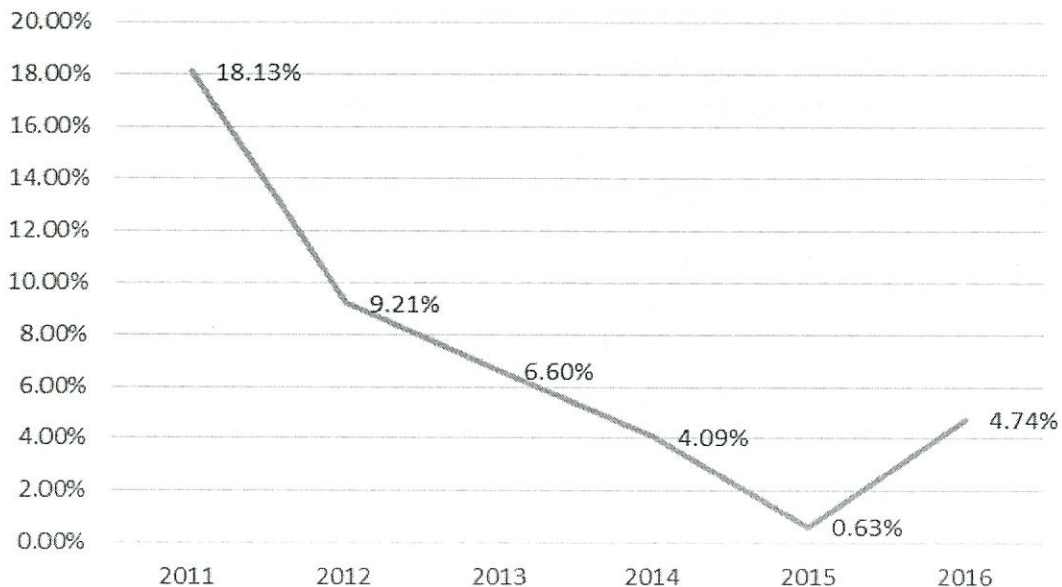
Sau khi giảm từ 8,4% năm 2005 xuống 5,03% năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam liên tục tăng trưởng trong giai đoạn từ năm 2012 – 2015, và đạt đỉnh 6,68% vào năm 2015. Năm 2016 ghi nhận sự chậm lại của tăng trưởng kinh tế nhưng với tình hình kinh tế năm 2017, GDP của Việt Nam được dự đoán là sẽ đạt 6,40%. Tổng độ tăng trưởng GDP cao và có xu hướng tăng thể hiện phần nào sự thuận lợi trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới còn có nhiều bất ổn cũng như kinh tế vĩ mô trong nước còn tồn tại nhiều khó khăn, để đạt được mục tiêu tăng trưởng năm

2017 mà Quốc hội đặt ra là 6,7% sẽ cần nỗ lực rất lớn từ Chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp.

1.2. Rủi ro lạm phát

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của nền kinh tế. Lạm phát duy trì tăng cao gây khó khăn chung cho nền kinh tế, tuy nhiên tỷ lệ lạm phát quá thấp sẽ khiến động lực đầu tư của nền kinh tế mất đi.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam liên tục giảm từ 18,1% năm 2011 xuống tới điểm thấp nhất là 0,63% năm 2015, tỷ lệ lạm phát năm 2016 tăng trở lại so với 2015 và đạt mức 4,74%. Năm 2017, lạm phát 06 tháng đầu năm duy trì đạt mức khá thấp, tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu do khủng hoảng trong ngành chăn nuôi nên không phải là tín hiệu tốt. Dự kiến lạm phát năm 2017 đạt 4,15%.

Ngoài việc tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của BSC do tăng chi phí đầu vào, chi phí vốn, lạm phát còn ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp nói chung, qua đó, làm giảm sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán và tác động tới dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Do vậy, rủi ro lạm phát ảnh hưởng lớn tới hoạt động của các CTCK trong đó có BSC.

1.3. Rủi ro lãi suất

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính, BSC cũng như các công ty khác đều chịu sự rủi ro biến động lãi suất. Với BSC, ngoài ảnh hưởng vĩ mô, lãi suất tác động trực tiếp tới chi phí vốn và nguồn thu đầu tư.

Lãi suất cao sẽ gây áp lực trực tiếp lên chi phí vốn và hiệu quả hoạt động của công ty cho vay. Hiện tại, trong ngành chứng khoán, đòn bẩy sử dụng vốn vay của BSC duy trì ở mức khá thấp, áp lực từ rủi ro lãi suất do vay nợ của BSC cũng ít hơn. Hơn nữa, BSC luôn chủ động triển khai các biện pháp để giảm thiểu và phòng tránh rủi ro lãi suất như: xây dựng phương án sử dụng và huy động vốn linh hoạt, đa dạng nguồn vay, duy trì mạng lưới rộng với đối tác cung cấp vốn tin cậy,...

Ngoài ra, lãi suất cũng tác động trực tiếp vào hoạt động đầu tư trái phiếu của công ty. Có được đội ngũ nhân sự kinh nghiệm và chuyên môn cao, Công ty đã duy trì được nguồn thu lớn từ hoạt động đầu tư trái phiếu. Trong tương lai, biến động lãi suất tiếp tục được BSC nghiên cứu, theo dõi, đảm bảo mục tiêu duy trì hiệu quả hoạt động trong quá khứ.

2. Rủi ro luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, áp dụng không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động của mỗi công ty chứng khoán như BSC đều chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới v.v... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự nhất quán và ổn định, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa được đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tối đa rủi ro trên, BSC luôn chú trọng tính pháp lý trong mọi hoạt động, thực hiện xây dựng khung pháp lý vững chắc cho từng hợp đồng, thường xuyên rà soát tính pháp lý và áp dụng trong qui trình làm việc, xây dựng hệ thống theo dõi sự thay đổi, nghiên cứu, kịp thời bổ sung áp dụng qui định pháp luật mới. Ngoài ra, khâu giám sát và quản trị rủi ro cũng luôn được đề cao xây dựng trong qui trình để giảm tối thiểu rủi ro.

3. Rủi ro đặc thù ngành nghề

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam có rất nhiều công ty chứng khoán. Cùng với sự phát triển của thị trường, sự cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt. BSC là công ty chứng khoán đã tham gia thị trường từ những ngày đầu thành lập, thương hiệu và uy tín của công ty đã được hình thành từ hơn 17 năm qua, thị phần cũng thường xuyên nằm trong TOP đầu. Tuy nhiên, sự cạnh tranh trong ngành có thể dẫn tới cạnh tranh không lành mạnh, gây ra rủi ro cạnh tranh phí, cho vay dưới chuẩn ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của Công ty và tiềm năng phát triển của ngành.

3.2. Rủi ro nhân sự

Với bản chất là hoạt động dịch vụ, yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt đối với sự tồn tại và phát triển của công ty chứng khoán. Các nhân sự giỏi luôn được các công ty đối thủ cạnh tranh săn đón, mời chào. Tính ràng buộc thấp khiến nhân viên công ty chứng khoán, đặc biệt là môi giới dễ dàng chuyển sang các công ty đối thủ. Vì vậy, ngoài mức thu nhập xứng đáng, môi trường làm việc tốt cũng là yếu tố quan trọng giúp thu hút, giữ chân nhân sự. Nhận thức được điều này, BSC luôn chú trọng việc xây dựng và duy trì cơ chế lương cạnh tranh, chính sách đãi ngộ hợp lý, đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ với mục tiêu gắn kết cán bộ nhân viên.

3.3. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

BSC cũng như các công ty chứng khoán khác tham gia thị trường với vai trò nhà đầu tư. Rủi ro BSC gặp phải là sự biến động giá chứng khoán trên thị trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của BSC. Để hạn chế tối đa rủi ro trên, ngoài việc thường xuyên cập nhật chiến lược đầu tư, tập trung nhân sự chất lượng cao cho hoạt động tự doanh, BSC chú trọng thực hiện xây dựng, hoàn thiện quy trình tự doanh và chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt phát hành này của Công ty là chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán và không được bảo lãnh phát hành nên có thể sẽ xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết. Trong trường hợp Công ty không bán hết số cổ phiếu như đăng ký thông qua đấu giá, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm, lựa chọn các nhà đầu tư khác và thực hiện phân phối số cổ phiếu chưa phân phối hết cho các nhà đầu tư khác.



5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Do tăng lượng cổ phiếu lưu hành nên đợt phát hành tăng vốn có thể dẫn tới các rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần- EPS (earning per share); (ii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.

Giả sử (i) Công ty hoàn thành việc tạm ứng cổ tức năm 2017 vào ngày 30/11/2017 và hoàn thành việc phân phối toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng vào ngày 15/12/2017; (ii) số cổ phiếu quỹ không thay đổi trong từ thời điểm hiện tại đến ngày 31/12/2017. Sau khi hoàn tất kế hoạch phát hành, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty trong năm 2017 dự kiến biến động như sau:

| Thời điểm | Số lượng (cổ phần) |
|------------|--------------------|
| 1/1/2017 | 90.213.980 |
| 8/7/2017 | 92.983.343 |
| 30/11/2017 | 97.632.767 |
| 15/12/2017 | 107.632.767 |

Như vậy:

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân nếu không thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng là: 91.944.226 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân nếu thực hiện phân phối thành công toàn bộ số cổ phần chào bán ra công chúng là: 92.382.582 cổ phiếu.

5.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Giả định lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2017 dự kiến là: 150.000.000.000 đồng.

EPS Công ty trước khi phát hành CP ra công chúng:

$$EPStph = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành trước Phát hành}} = \frac{150.000.000.000}{91.944.226} = 1.631 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

EPS Công ty sau khi phát hành CP ra công chúng:

$$EPSsph = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân sau PH}} = \frac{150.000.000.000}{92.382.582} = 1.624 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016: 983.935.158.463 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 dự kiến: 150.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu trước khi phát hành ra công chúng dự kiến là: 1.133.935.158.463 đồng

Giả sử đợt chào bán ra công chúng thành công và giá bán bình quân bằng giá khởi điểm thì vốn chủ sở hữu sau phát hành dự kiến là: 1.233.935.158.463 đồng

Giá trị sổ sách cổ phần trước khi phát hành:

$$BV_{tph} = \frac{\text{Vốn CSH trước phát hành}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành trước Phát hành}} = \frac{1.133.935.158.463}{97.632.767} = 11.614 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Giá trị sổ sách Công ty sau phát hành:

$$BV_{sph} = \frac{\text{Vốn CSH sau phát hành}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành sau Phát hành}} = \frac{1.233.935.158.463}{107.632.767} = 11.464 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, với các giả định nêu trên, thì sau khi phát hành cổ phiếu ra công chúng, EPS năm 2017 của Công ty giảm 0,47% và BV tại thời điểm 31/12/2017 giảm 1,29% so với trước khi phát hành cổ phiếu ra công chúng.

5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu ra công chúng nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm trong trường hợp cổ đông không thực hiện mua thêm cổ phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với định hướng của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu nhất, giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, BSC đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm. Đồng thời, với định hướng phát triển bền vững, công ty tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ quản lý cao, đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Các rủi ro khác

Là một công ty đã đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam và Thị trường chứng khoán thế giới. Các yếu tố trên thị trường cũng như hoạt động của Công ty đều nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ngoài ra, các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt có thể gây ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và tiến độ thi công công trình, gây ra thiệt hại không mong muốn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

| | | |
|---------------------|---|-------------------------------------|
| Ông Đoàn Ánh Sáng | : | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Đỗ Huy Hoài | : | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| Bà: Phạm Thanh Thủy | : | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà: Trần Ngọc Diệp | : | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

| | |
|------------------------------------|---|
| Tổ chức phát hành /BSC/ Công ty | Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| BIDV | Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| BVPS | Giá trị sổ sách một cổ phần |
| CMND | Chứng minh nhân dân |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| EPS | Thu nhập trên một cổ phần |
| GCNĐKKD/CMND | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng minh nhân dân |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| GTGDBQ | Giá trị giao dịch bình quân |
| HNX | Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội |

| | |
|--------|--|
| HSX | Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| IPO | Phát hành lần đầu ra công chúng |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| NSNN | Ngân sách nhà nước |
| QTRR | Quản trị rủi ro |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| UBCKNN | Ủy ban chứng khoán nhà nước |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| SGDCK | Sở giao dịch chứng khoán |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành

| | |
|--------------------|--|
| Tên tiếng Việt: | CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM |
| Tên tiếng Anh: | BIDV Securities Joint Stock Company |
| Tên viết tắt: | BSC |
| Địa chỉ giao dịch: | Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Điện thoại: | (84 24) 39352722 |
| Fax: | (84 24) 22200669 |
| Website: | www.bsc.com.vn |
| Logo: |  |

Giấy CN ĐKKD: Số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 19 tháng 07 năm 2017.

Vốn điều lệ
hiện tại: 929.884.920.000 đồng (Chín trăm hai mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi tư triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, môi giới và tự doanh chứng khoán phái sinh.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

| | |
|----------|---|
| Năm 1999 | <ul style="list-style-type: none"> Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam. |
| Năm 2005 | <ul style="list-style-type: none"> Được Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk). |
| Năm 2009 | <ul style="list-style-type: none"> Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 1 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch. |
| Năm 2010 | <ul style="list-style-type: none"> Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần. Nhận giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn. |
| Năm 2011 | <ul style="list-style-type: none"> Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới. Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI. Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán. |
| Năm 2013 | <ul style="list-style-type: none"> BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai SGDCK (giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả HNX và HSX). Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu, Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu HNX. |

| | |
|-----------------|--|
| <p>Năm 2014</p> | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường đặc biệt là tư vấn IPO cho Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam –Vietnam Airlines; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex. ▪ Nhận bằng khen của Bộ Tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013. ▪ Nhận giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn. ▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP3 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2014 và TOP5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014. ▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương TOP5 thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu chính phủ năm 2014. |
| <p>Năm 2015</p> | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn. ▪ Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn. ▪ Nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương. ▪ Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. ▪ Thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu chính phủ 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương. ▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh nằm trong TOP5 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2015, TOP10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất năm 2015 và là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình (IPO Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – ACV). |



| | |
|----------|--|
| Năm 2016 | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Được tạp chí CFI – một tạp chí uy tín về tài chính của Anh - bình chọn là Công ty môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2016. ▪ Được Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016. |
| Năm 2017 | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận giải thưởng “Best Investment Management 2016” do tạp chí World Finance bình chọn. |

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ kể từ khi chuyển thành CTCP đến nay

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Giá trị vốn tăng thêm | Vốn Điều lệ sau khi tăng | Phương thức | Cơ quan chấp thuận | Ý kiến kiểm toán về từng đợt tăng vốn |
|----|-----------------------|--------------------------|--|--------------------|---------------------------------------|
| 1 | 37.191.150.000 | 902.191.150.000 | Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 tỷ lệ 4,3% | UBCKNN | Chấp nhận toàn phần |
| 2 | 27.693.770.000 | 929.884.920.000 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016, tỷ lệ 3,07% | UBCKNN | Chấp nhận toàn phần |

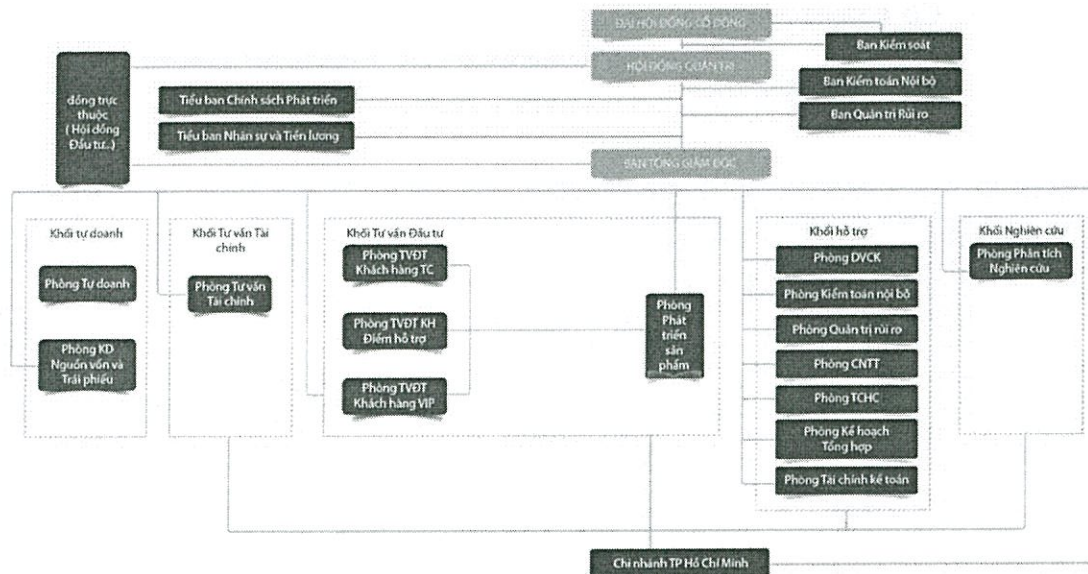
- **Tăng vốn lần đầu:** Từ 865.000.000.000 đồng lên 902.191.150.000 đồng
 - o Thời điểm tăng vốn: Năm 2016
 - o Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
 - o Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu
 - o Tỷ lệ thực hiện: 4,3% (tính trên vốn điều lệ tại ngày 31/12/2015)
 - o Số lượng phát hành: 3.719.115 cổ phiếu
 - o Ngày phát hành: 22/09/2016
 - o Cơ quan chấp thuận đợt phát hành: UBCKNN
- **Tăng vốn lần thứ hai:** Từ 902.191.150.000 đồng lên 929.884.920.000 đồng
 - o Thời điểm tăng vốn: Năm 2017
 - o Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
 - o Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu

- Tỷ lệ thực hiện: 3,07% (tính theo vốn Điều lệ tại ngày 31/12/2016)
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.769.377 cổ phiếu
- Ngày phát hành: 28/06/2017
- Cơ quan chấp thuận đợt phát hành: UBCKNN



2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Biểu đồ 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong Công ty như sau:

- **Phòng tư vấn tài chính:** Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.
- **Khối phòng Tư vấn đầu tư:** Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ của Công ty và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư.
- **Phòng Phát triển sản phẩm:** Xây dựng chính sách khách hàng cho nghiệp vụ môi giới, xây dựng, đề xuất nâng cấp, cải tiến sản phẩm môi giới, quản lý dữ liệu các sản phẩm môi giới của Công ty.
- **Phòng Tư doanh:** Triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết, chưa niêm yết theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty; Triển khai các hoạt động đầu tư góp vốn thành lập công ty, góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kinh doanh nguồn vốn và trái phiếu:** Triển khai các kênh huy động vốn, thực hiện các sản phẩm đầu tư tiền gửi, quản lý chi phí vốn đầu ra và

đầu vào của Công ty; Tìm kiếm, đánh giá, phân tích, thẩm định và đề xuất các cơ hội đầu tư trái phiếu, quản lý theo dõi danh mục đầu tư và thực hiện các giao dịch mua bán trái phiếu

- **Phòng Phân tích – Nghiên cứu:** Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.
- **Phòng Tổ chức hành chính:** Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- **Phòng Quản trị rủi ro:** gồm hai bộ phận: Quản trị rủi ro và Pháp chế. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng giám sát hoạt động, phòng ngừa rủi ro của các phòng tại Hội sở và Chi nhánh, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống; Bộ phận Pháp chế có chức năng tham mưu những vấn đề pháp lý, chế độ liên quan đến hoạt động của Công ty, tư vấn/hỗ trợ/tham vấn/phối hợp tham gia về mặt pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ mà các đơn vị nghiệp vụ Công ty cung cấp cho các khách hàng/đối tác; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác giải quyết tranh chấp tại Công ty.
- **Phòng Tài chính kế toán:** Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ:** Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan, đồng thời kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Công ty.
- **Phòng Kế hoạch tổng hợp:** Quản lý kế hoạch kinh doanh và tổng hợp báo cáo, kinh doanh nguồn vốn cho Công ty, truyền thông, PR cho công ty.
- **Phòng dịch vụ chứng khoán:** Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...
- **Phòng Công nghệ thông tin:** Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của BSC.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của BSC được tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật doanh nghiệp, công ty đại chúng và công ty chứng khoán như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Điều lệ của Công ty;
- Văn bản pháp luật khác có liên quan.



3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 21 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông có các thẩm quyền chính như sau:

- **Thẩm quyền quyết định định hướng phát triển của Công ty và các hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty:**
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán lại;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- **Thẩm quyền quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.**

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị BSC là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định. Các nhiệm vụ quyền hạn cơ bản của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 34 Điều lệ BSC:

- **Thẩm quyền quyết định, điều hành các hoạt động của Công ty:**
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch định biên lao động hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
 - Phê chuẩn các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá (10%) mười phần trăm giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Phê chuẩn việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo uỷ quyền;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của BSC có 03 thành viên thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật doanh nghiệp như:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;

3.4. Ban Điều hành

Theo quy định tại Điều 44 Điều lệ BSC, thành phần Ban điều hành của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty nhằm thực hiện trách nhiệm quản lý và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Trong đó, Tổng Giám đốc giữ vị trí quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc:

➤ **Điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty:**

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

4. Cơ cấu và Danh sách cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/09/2017

| STT | Cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Giá trị theo mệnh giá (VNĐ) | Tỷ lệ%/VĐL |
|-----|---------|----------|--------------|-----------------------------|------------|
|-----|---------|----------|--------------|-----------------------------|------------|

| | | | | | |
|------------|---------------------------|------------|-------------------|------------------------|----------------|
| I | Cổ đông trong nước | 695 | 85.029.317 | 850.293.170.000 | 91,44% |
| | Tổ chức | 13 | 83.349.003 | 833.490.030.000 | 89,63% |
| | Cá nhân | 682 | 1.680.314 | 16.803.140.000 | 1,81% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 49 | 7.954.026 | 79.540.260.000 | 8,55% |
| | Tổ chức | 7 | 7.778.849 | 77.788.490.000 | 8,36% |
| | Cá nhân | 42 | 175.177 | 1.751.770.000 | 0,19% |
| III | Cổ phiếu quỹ | | 5.149 | 51.490.000 | 0,01% |
| | Tổng cộng | 744 | 92.988.492 | 929.884.920.000 | 100,00% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 15/09/2017

4.2. Danh sách cổ đông lớn

Bảng 3: Danh sách cổ đông lớn

| ST T | Họ và tên | Số GCNĐKKD/ CMND | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ %/Vốn điều lệ |
|---------|--|------------------------|---|---------------------|---------------------------|
| 1 | PYN ELITE FUND (NON-UCITS) | CA5604 | C/O PYN FUND MANAGEMENT LTD, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND | 7.305.898 | 7,86% |
| 2 | Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 100150619 | 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 81.943.761 | 88,12% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 15/09/2017

Danh sách người có liên quan tới cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty được gửi kèm trong hồ sơ đăng ký chào bán.

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được cổ phần hóa từ năm 2010, vì vậy, đến nay hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã không còn hiệu lực.

Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập

| STT | Họ và tên | Số GCNĐKK D/CMND | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ %/Vốn điều lệ |
|-----|--|------------------|--------------------------------|------------------|---------------------|
| 1 | Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 100150619 | 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 81.943.761 | 88,12% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 15/09/2017

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của BSC

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: 024.22200588 Fax: 024.22200399
- Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn Điều lệ: 34.187.153.000.000 đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ của BIDV đối với BSC: 88,12%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cấp tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thẻ tín dụng...); Dịch vụ Huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu); Dịch vụ Tài trợ thương mại; Dịch vụ thanh toán

(thanh toán trong nước, quốc tế); Dịch vụ tài khoản; Dịch vụ Thẻ ngân hàng; Các dịch vụ khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 5: Một số chỉ tiêu chính của BIDV

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|---------------------|-------------|---------------|
| Tổng tài sản | 850.506.940 | 1.006.404.150 |
| Vốn chủ sở hữu | 42.335.460 | 44.144.249 |
| Vốn Điều lệ | 34.187.153 | 34.187.153 |
| Doanh thu hoạt động | 58.612.436 | 74.514.946 |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.376.756 | 6.228.856 |

Nguồn: BSC

5.2. Danh sách công ty con của BSC

Không có.

5.3. Danh sách những công ty mà BSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Doanh thu các mảng hoạt động kinh doanh qua các năm

Bảng 6: Chi tiết thu theo mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | 9T/ 2017 | |
|--------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------|--------------|
| | Giá trị | Tỉ trọng (%) | Giá trị | Tỉ trọng (%) | Giá trị | Tỉ trọng (%) |
| Hoạt động môi giới | 108.287 | 21,8% | 136.586 | 20,9% | 131.045 | 32,2% |
| Hoạt động cho vay | 83.629 | 16,8% | 101.157 | 15,5% | 90.774 | 22,3% |

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | 9T/ 2017 | |
|----------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| | Giá trị | Tỉ trọng (%) | Giá trị | Tỉ trọng (%) | Giá trị | Tỉ trọng (%) |
| đầu tư chứng khoán | | | | | | |
| Hoạt động đầu tư | 199.002 | 40,0% | 369.952 | 56,7% | 153.196 | 37,7% |
| Hoạt động Ngân hàng đầu tư | 92.832 | 18,7% | 31.489 | 4,8% | 22.691 | 5,6% |
| Khác(*) | 13.292 | 2,7% | 12.835 | 2,0% | 9.053 | 2,2% |
| Tổng | 497.043 | 100.0% | 652.020 | 100,0% | 406.758 | 100,0% |

(*) bao gồm doanh thu tài chính

Nguồn: BSC

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Tham gia thị trường chứng khoán ngay từ giai đoạn đầu của thị trường, mảng dịch vụ môi giới cổ phiếu và trái phiếu của BSC đều đạt được những thành tựu lớn và tạo lập được thương hiệu vững chắc với đầy đủ dịch vụ.

Những sản phẩm cơ bản:

Giao dịch trực tuyến

Các dịch vụ được tích hợp thông qua kết nối Internet, đầy đủ ứng dụng phù hợp cho máy tính cá nhân và các thiết bị di động

- Giao dịch web trader
- Giao dịch mobile trader
- Giao dịch home trader
- Giao dịch qua cổng kết nối trực tuyến bloomberg

Giao dịch kết nối với ngân hàng

- Tài khoản @ Securities: Là tài khoản giao dịch chứng khoán được liên kết tới một tài khoản tiền gửi tại BIDV giúp khách hàng sử dụng linh hoạt số dư tiền gửi tại ngân hàng.
- Tài khoản thấu chi: Khách hàng có thể đề nghị BIDV cấp một hạn mức vay thấu chi trên tài khoản tiền gửi, tăng sự thuận tiện và linh hoạt cho khách hàng khi sử dụng.

- Gửi tiết kiệm online: Khách hàng có thể thao tác trên các phương thức giao dịch trực tuyến của BSC để gửi tiết kiệm tại BIDV theo các kỳ hạn mong muốn khi chưa có nhu cầu giao dịch chứng khoán, giúp khách hàng tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi.
- Vay cầm cố chứng khoán: Là sản phẩm do BIDV cung cấp dành riêng cho các khách hàng của BSC. Khách hàng đang có chứng khoán thuộc danh mục cho vay của BIDV có thể cầm cố để vay vốn phục vụ cho các mục đích cá nhân khác.

Phân tích và tư vấn đầu tư

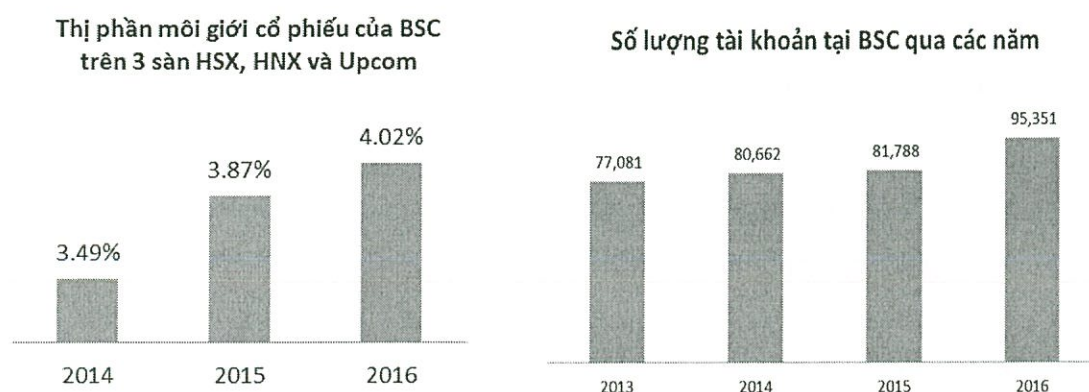
Với thế mạnh về cơ sở dữ liệu, phong phú về nền tảng khách hàng, chuyên nghiệp về cung cách phục vụ, BSC có khả năng tiếp cận, phân tích và đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện và sâu sắc nền kinh tế vĩ mô, thị trường và doanh nghiệp. Sản phẩm của BSC được đóng gói dưới nhiều dạng sản phẩm khác nhau, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng sử dụng.

Hệ thống báo cáo của BSC được cập nhật thường xuyên và kịp thời, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế.

- Báo cáo phân tích vĩ mô
- Báo cáo phân tích triển vọng ngành chuyên sâu
- Báo cáo phân tích doanh nghiệp
- Báo cáo phân tích tư vấn đầu tư

Điểm nhấn của hoạt động môi giới:

Biểu đồ 4: Điểm nhấn hoạt động môi giới



Số lượng tài khoản đã tăng *trưởng* 24% trong 5 năm qua, khẳng định uy tín của BSC nói riêng và sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán nói chung.

Thị phần môi giới cổ phiếu gia tăng ổn định qua các năm, trong đó sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị phần khối khách hàng tổ chức là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy thị phần của BSC. Mạng lưới khách hàng được BSC tập trung khai thác thông qua việc hợp tác với các định chế tài chính lớn trong nước và nước ngoài đến từ Hồng Kong, Singapore và Nhật Bản. BSC thường xuyên lọt vào TOP các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất sàn HSX và HNX.

Trong vòng 03 năm trở lại đây, BSC luôn giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu Chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Doanh thu môi giới năm 2016 đạt 136,6 tỷ đồng, tăng trưởng 26% so với năm 2015 là 108,3 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2017, thu hoạt động môi giới đã đạt được mức 131.0 tỷ đồng. Sự tăng trưởng nhanh chóng của doanh thu phí trong những tháng đầu năm 2017 nhờ những phát triển vượt bậc của thị trường chứng khoán và sự bắt nhịp nhanh chóng, tận dụng cơ hội thị trường của BSC.

Hoạt động cho vay ký quỹ

Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ là giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của Công ty chứng khoán. Hoạt động cho vay và hoạt động môi giới là hai hoạt động có sự tương tác qua lại và hỗ trợ nhau chặt chẽ. Với định hướng thực hiện cho vay an toàn kết hợp với việc quản trị rủi ro chặt chẽ, hoạt động này thực sự đã đem lại nguồn thu lớn có tính chất bền vững cho BSC.

Tận dụng lợi thế mạng lưới đối tác, nhà cung cấp tín dụng lớn, BSC luôn có được nguồn tài trợ đủ lớn để đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư. Nhờ nguồn cho vay lớn cộng với chính sách cho vay an toàn nhưng không kém phần cạnh tranh, linh hoạt, hoạt động không những đem lại doanh thu lớn mà còn duy trì và đảm bảo sự tăng trưởng thị phần trong tương lai.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đầu tư chứng khoán của BSC tăng 21% từ 83,6 tỷ (năm 2015) lên 101,2 tỷ đồng (năm 2016). Lũy kế 3 quý đầu năm năm 2017, thu từ hoạt động cho vay chứng khoán đã đạt 90.8 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư

Là thành viên tích cực của thị trường chứng khoán, hoạt động tự doanh của BSC đã góp phần thúc đẩy giao dịch đối với cả thị trường chứng khoán vốn và chứng khoán nợ.

- Thị trường chứng khoán vốn: Tập trung hoạt động trading ngắn hạn nhằm tạo lập thanh khoản của thị trường và hỗ trợ các hoạt động môi giới phát triển.
- Thị trường chứng khoán nợ: Hoạt động mạnh trên hai thị trường trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp; là thành viên tích cực tham gia các hoạt động đấu thầu, trading trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, hỗ trợ trực tiếp các hoạt động tư vấn phát hành.

Chiến lược đầu tư của BSC được xây dựng trên nền tảng chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ và hướng đến tăng trưởng bền vững. Xác lập mục tiêu chiến lược khác biệt, không chỉ là một nghiệp vụ kinh doanh sinh lời mà thông qua đó, thực hiện mục tiêu hỗ trợ, phát triển các dịch vụ tư vấn, môi giới của Công ty.

Bảng 7: Chi tiết danh mục đầu tư tại thời điểm 30/09/2017

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Tên khoản đầu tư | Giá gốc | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | Giá trị thị trường/giá trị ước tính có thể thu hồi ngày 30/09/2017 |
|---|------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|--|
| I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | | | | | |
| 1. CK niêm yết | | | | | |
| 1 | DXG | 27.879.287.595 | 6.340.527.405 | 0 | 34.219.815.000 |
| 2 | PNJ | 33.861.513.920 | 6.041.318.080 | 0 | 39.902.832.000 |
| 3 | HT1 | 19.444.488.140 | 0 | 4.964.150.240 | 14.480.337.900 |
| 4 | VCI | 26.153.535.000 | 0 | 482.535.000 | 25.671.000.000 |
| 5 | PVT | 29.005.657.533 | 1.631.439.367 | 0 | 30.637.096.900 |
| 6 | ACB | 22.361.873.455 | 5.187.826.745 | 0 | 27.549.700.200 |
| 7 | Khác | 132.252.510.601 | 14.702.565.249 | 0 | 146.955.075.850 |
| 2. CK chưa niêm yết | | 114.082.604.844 | 679.982.600 | 52.355.899.424 | 62.406.688.020 |

| | | | | | |
|--|-----------------|------------------------|-------------------|----------------|------------------------|
| 1 | PHVU | 58.063.615.500 | 0 | 52.294.534.500 | 5,769,081,000 |
| 2 | GEX | 8.979.510.000 | 456.075.000 | 0 | 9,435,585,000 |
| 3 | DRI | 16.917.951.400 | 223.907.600 | 0 | 17,141,859,000 |
| 4 | Khác | 30.121.527.944 | 0 | 61.364.924 | 30,060,163,020 |
| 3.Trái phiếu | | 437.371.776.978 | 0 | 0 | 437.371.776.978 |
| 1 | TD1732403 | 54.850.000.000 | 0 | 0 | 54,850,000,000 |
| 2 | TD1747411 | 62.169.500.000 | 0 | 0 | 62,169,500,000 |
| 3 | TD1747409 | 300.352.276.978 | 0 | 0 | 300,352,276,978 |
| 4 | Khác | 20.000.000.000 | 0 | 0 | 20,000,000,000 |
| II. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | | 164.959.434.000 | 20.950.229 | 0 | 164.980.384.229 |
| 1.Trái phiếu | | 49.959.434.000 | 0 | 0 | 49.959.434.000 |
| 1 | CIL_BOND2017-04 | 49.959.434.000 | 0 | 0 | 49,959,434,000 |
| 2.Tiền gửi có kỳ hạn/Chứng chỉ tiền gửi | | 115.000.000.000 | 20.950.229 | 0 | 115.020.950.229 |

| | | | | | |
|------------------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn | 65.000.000.000 | 0 | 0 | 65.000.000.000 |
| 3 | Công ty Tài chính TNHH Home Credit | 50.000.000.000 | 20.950.229 | 0 | 50.020.950.229 |
| TỔNG CỘNG | | 1.007.372.682.066 | 34.604.609.675 | 57.802.584.664 | 984.174.707.077 |

Nguồn: BSC

Hoạt động ngân hàng đầu tư

BSC hoạt động trên các mảng nghiệp vụ ngân hàng đầu tư ngay từ những năm đầu thành lập. BSC cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên sâu, hoạch định các phương án, giải pháp toàn diện nhằm kiến tạo những giá trị bền vững của doanh nghiệp; hội tụ những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán, tạo lập nền tảng gia tăng động lực mở rộng thị trường vốn.

Những sản phẩm dịch vụ chính

Tư vấn cổ phần hóa và niêm yết

- Chuyển đổi mô hình hoạt động và mở rộng cơ hội huy động vốn
- Sản phẩm bản lề, làm nên thương hiệu BSC với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp thuộc các loại hình hoạt động khác nhằm thay đổi cơ bản cấu trúc sở hữu để huy động vốn, thay đổi toàn diện phương thức quản lý và điều hành doanh nghiệp theo những hướng đi mới.

Tư vấn tái cấu trúc

- Tăng hiệu quả hoạt động
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và hỗ trợ triển khai hệ thống các giải pháp và phương án nhằm giúp khách hàng doanh nghiệp chuyển đổi sang trạng thái tối ưu hơn và đảm bảo nguồn vốn được thu xếp là phù hợp nhất, với chi phí giá vốn tối ưu trong bối cảnh thị trường cũng như thực trạng của doanh nghiệp.

Tư vấn thu xếp vốn

- Kết nối doanh nghiệp với nguồn vốn phù hợp
- Một trong các dịch vụ cốt lõi, được BSC triển khai dưới nhiều công cụ huy động vốn đa dạng, linh hoạt. Mỗi công cụ là một tổ hợp các điều kiện, điều khoản thương mại quyết định cấu trúc giao dịch và chương trình hành động nhằm thực hiện thành công quá trình thu xếp vốn cho khách hàng.

Tư vấn M&A

- Kết nối bên mua và bên bán tạo động lực phát triển
- Tổ hợp các quá trình và phương án tư vấn toàn diện với vị trí tư vấn cho Doanh nghiệp bên bán hoặc nhà đầu tư bên mua. Tư vấn sáp nhập thực hiện tìm kiếm các cơ hội hợp tác chiến lược với các đối tác trong cùng ngành



nghe. Tư vấn Mua bán thực hiện thu xếp vốn cổ phần có khối lượng chi phối để đối tác thực hiện mua lại và thay đổi chủ sở hữu chi phối doanh nghiệp.













Những thương vụ nổi bật

- Tư vấn IPO cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex)
- Gói thầu tư vấn Cổ phần hóa, IPO và Niêm yết cho Vietnam Airlines liên danh với hai nhà thầu nước ngoài là Morgan Stanley và Citi Group
- Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu cho Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin)
- Bảo lãnh cho UBND TP.Hồ Chí Minh phát hành thành công gần 2.000 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương
- Năm 2013, trong tổng số 200.000 tỷ đồng trái phiếu chính phủ được thực hiện trên toàn thị trường, BSC đã thực hiện đấu thầu thành công hơn 40.000 tỷ đồng, đứng đầu trong các công ty chứng khoán
- Tư vấn M&A cho tập đoàn CJ – Hàn Quốc để trở thành cổ đông chiến lược của công ty TNHH MTV Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)

Một số giao dịch tiêu biểu trên thị trường chứng khoán nợ:

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| <p>300 tỷ đồng</p> <p>Vinaconex</p>  <p>2007</p> | <p>1000 tỷ đồng</p> <p>Vinpearl</p>  <p>2008</p> | <p>2000 tỷ đồng</p> <p>Vincom JSC</p>  <p>2008</p> | <p>120 tỷ đồng</p> <p>Công nghiệp Tân Tạo</p>  <p>2010</p> | <p>300 tỷ đồng</p> <p>Phong Phú</p>  <p>2010</p> | <p>300 tỷ đồng</p> <p>Long Hậu</p>  <p>2010</p> |
| <p>173 tỷ đồng</p> <p>Phú Thái</p>  <p>2011</p> | <p>500 tỷ đồng</p> <p>Eurowindow Holdings</p>  <p>2013</p> | <p>1500 tỷ đồng</p> <p>Than Khoáng Sản Việt Nam</p>  <p>2013</p> | <p>1000 tỷ đồng</p> <p>Hoàng Anh Gia Lai</p>  <p>2013</p> | <p>800 tỷ đồng</p> <p>Lilama</p>  <p>2017</p> | <p>1100 tỷ đồng</p> <p>Thành Thành Công</p>  <p>2017</p> |

Một số giao dịch tiêu biểu trên thị trường chứng khoán vốn:

| | | | | | |
|---|---|---|---|--|---|
| 104 tỷ đồng <i>Phát hành niêm yết</i>  2013 | 215 tỷ đồng <i>Phát hành</i>  2014 | 150 tỷ đồng <i>Phát hành để hoàn đổi cổ phiếu</i>  2014 | 1093 tỷ đồng <i>Phát hành</i>  2014 | 1216 tỷ đồng <i>Phát hành</i>  2014 | 2564 tỷ đồng <i>Phát hành cho cổ đông chiến lược</i>  2014-2015 |
| 130 tỷ đồng <i>Phát hành cho cổ đông chiến lược</i>  2015 | 1116 tỷ đồng <i>Phát hành</i>  2015 | 400 tỷ đồng <i>Tư vấn M&A</i>  2016 | 4200 tỷ đồng <i>Chào bán chiến lược</i>  2016 | 13000 tỷ đồng <i>Phát hành</i>  2017 | 2000 tỷ đồng <i>Phát hành</i>  2017 |

6.2. Chi phí kinh doanh

Bảng 8: Cơ cấu chi phí qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | 9T/ 2017 | |
|------------------------------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|
| | Giá trị | (%) | Giá trị | (%) | Giá trị | (%) |
| Chi phí hoạt động | 233.955 | 59,1% | 394.458 | 75,0% | 131.263 | 55,7% |
| %doanh thu | 47,1% | - | 60,5% | - | 32,3% | - |
| Chi phí tài chính | 101.210 | 25,6% | 55.878 | 10,6% | 43.291 | 18,4% |
| % doanh thu | 20,4% | - | 8,6% | - | 10,6% | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 60.334 | 15,3% | 75.712 | 14,4% | 60.995 | 25,9% |
| %doanh thu | 12,1% | - | 11,6% | - | 15,0% | - |
| Chi phí khác | 58 | 0,0% | 1 | 0,0% | 108 | 0,0% |
| %doanh thu | 0,0% | - | 0,0% | - | 0,0% | - |

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | | Năm 2016 | | 9T/ 2017 | |
|--------------|----------|--------|----------|--------|----------|--------|
| | Giá trị | (%) | Giá trị | (%) | Giá trị | (%) |
| Tổng chi phí | 395.558 | 100,0% | 526.048 | 100,0% | 235.658 | 100,0% |

Nguồn: BSC

Chi hoạt động bao gồm chủ yếu là các khoản lỗ đầu tư, chi phí dự phòng và chi phí các nghiệp vụ. Chi phí hoạt động của BSC chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu. Trong giai đoạn 2015, 2016 tỷ trọng chi phí hoạt động/doanh thu đạt 59-75%. Chi phí hoạt động trong 9 tháng đầu năm 2017 khá thấp, do hoạt động đầu tư đạt được hiệu quả cao.

Chi phí tài chính giảm từ 101,2 tỷ đồng năm 2015 xuống còn 55,9 tỷ đồng năm 2016, 9 tháng đầu năm 2017 chỉ ghi nhận 43,3 tỷ đồng chi phí tài chính.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giai đoạn duy trì ở mức khoảng 11 – 15% doanh thu.

6.3. Trình độ công nghệ

Sau giai đoạn khủng hoảng năm 2011, trong những năm gần đây, thị trường chứng khoán Việt Nam đã phát triển nhanh chóng về cả khối lượng giao dịch cũng như đa dạng về sản phẩm dịch vụ. Các công ty chứng khoán top đầu phải cạnh tranh khốc liệt để giành thị phần và chiến lược cạnh tranh là đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ công nghệ thông tin. Thực tế đã chứng minh công ty nào sớm có được một hệ thống CNTT đồng bộ, linh hoạt và hiện đại sẽ có rất nhiều lợi thế cạnh tranh hay nói một cách khác cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trong giai đoạn hiện nay và cả trong tương lai là sự cạnh tranh về công nghệ.

Nhận thức được vấn đề, BSC luôn xác định CNTT là bộ khung, là xương sống cho mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy mục tiêu chiến lược CNTT của Công ty được xác định và thực hiện như sau:

- **Về phần mềm ứng dụng:** Đi đầu trong việc cung cấp các ứng dụng phần mềm với đầy đủ các chức năng, tiện ích nâng cao để hỗ trợ triển khai các sản phẩm và dịch vụ mới, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả công việc. Năm 2014, BSC đã triển khai hệ thống phần mềm giao dịch lõi Flex của Công ty cổ phần giải pháp phần mềm tài chính (FSS) với khả năng linh hoạt cao cho phép Công ty có thể cung ứng sản phẩm dịch vụ đa dạng có khả năng tùy biến cao theo từng đối tượng khách hàng. Bên cạnh

đó, để đáp ứng được nhu cầu giao dịch mọi lúc mọi nơi của khách hàng, BSC cũng đầu tư triển khai nhiều kênh đặt lệnh bao gồm hệ thống giao dịch trên nền tảng Web (Web Trading), hệ thống giao dịch cho nhà đầu tư chuyên nghiệp (Home Trading), hệ thống giao dịch qua điện thoại (Call Center Trading), hệ thống giao dịch qua thiết bị di động (Mobile Trading), hệ thống giao dịch cho khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài qua Bloomberg.

- **Về cơ sở hạ tầng CNTT:** Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT đảm bảo hoạt động ổn định, có tính sẵn sàng và dự phòng cao, đáp ứng yêu cầu liên tục của hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của BSC và tuân thủ các quy định của các cơ quan nhà nước. Hệ thống hạ tầng CNTT của BSC được xây dựng dựa trên nền tảng công nghệ ảo hóa VMware. Với công nghệ này, trung tâm dữ liệu của BSC được xây dựng theo chuẩn một trung tâm dữ liệu thế hệ mới gọi là Next Generation Data Centre. Toàn bộ tài nguyên CNTT bao gồm tài nguyên tính toán (computing), tài nguyên lưu trữ (storage) và tài nguyên mạng (network) được hợp nhất cho phép quản lý và phân bổ theo ý muốn (on-demand) một cách linh hoạt nhất.
- **Về bảo mật CNTT:** Chú trọng tăng cường năng lực kiểm soát an ninh bảo mật CNTT để đối phó với các rủi ro ngày càng gia tăng và đảm bảo bảo tuân thủ quy định của các cơ quan nhà nước. Hệ thống bảo mật của BSC được xây dựng theo kiến trúc bảo vệ theo chiều sâu với 03 lớp bảo vệ, bao gồm (i) Hệ thống tường lửa (firewall) để ngăn chặn những nguy cơ bị tấn công ở lớp vành đai; (ii) Hệ thống phòng chống xâm nhập lớp mạng (Intrusion Prevention Systems) để ngăn chặn các hình thức truy cập trái phép ở tầng 3 của mạng máy tính; và (iii) Hệ thống phòng chống xâm nhập lớp ứng dụng Web (WAF - Web Application Firewall) để ngăn chặn các tấn công trực tiếp vào tầng ứng dụng Web.
- **Về tổ chức CNTT:** Tối ưu hóa cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực CNTT, phát triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động CNTT và đáp ứng nhu cầu phát triển của BSC. Với chủ trương lấy chất lượng nguồn nhân lực là chính, không chạy theo số lượng, đi đôi với việc cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, BSC tổ chức bộ phận CNTT thành các nhóm (i) Nhóm phát triển phần mềm với nhiệm vụ phát triển phần mềm ứng dụng và hệ thống báo cáo theo yêu cầu; (ii) Nhóm phân tích yêu cầu và quản trị dự án để phân tích yêu cầu (Business Analyst) và quản trị các dự án phát triển phần mềm; (iii) Nhóm vận hành hệ thống phần mềm để quản trị và vận hành toàn bộ hệ thống ứng dụng; (iv) Nhóm quản trị, vận hành cơ sở

hạ tầng và bảo mật để vận hành trung tâm dữ liệu, trung tâm dự phòng, hạ tầng mạng truyền thông, hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ và sao lưu dữ liệu và (v) Nhóm hỗ trợ kỹ thuật là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề của người dùng cuối liên quan đến hệ thống máy tính, kết nối mạng, các phần mềm sử dụng, ...

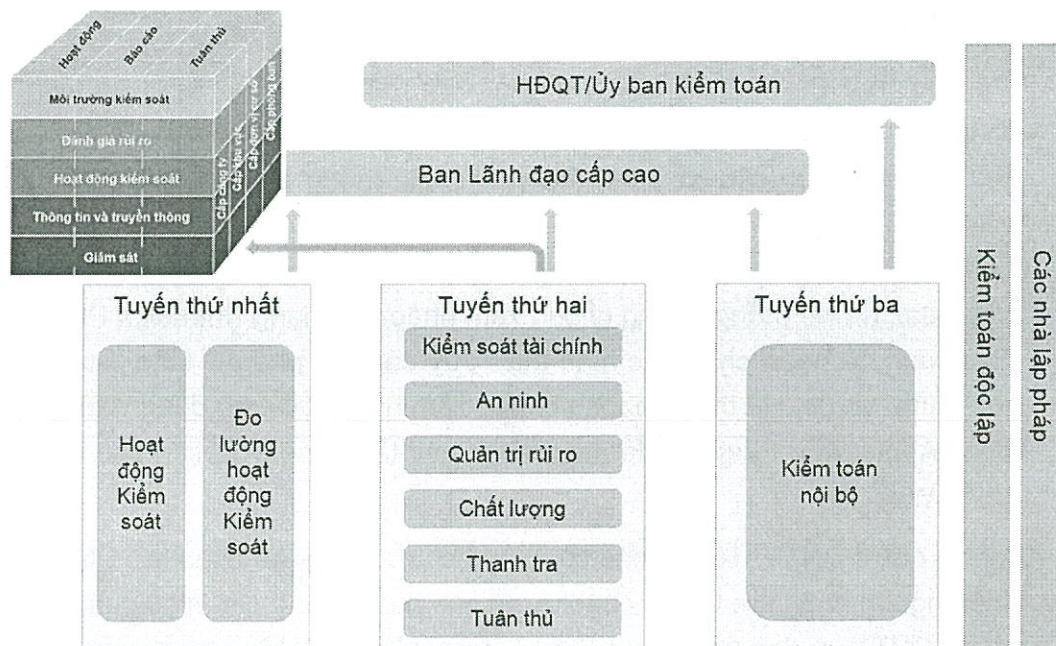
6.4. Hệ thống quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro được xây dựng và vận hành dựa trên 3 yếu tố chính gồm: (i) cơ cấu tổ chức; (ii) khung quản trị rủi ro; và (iii) văn hóa quản trị rủi ro doanh nghiệp để đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả.

Cơ cấu tổ chức

BSC áp dụng “Mô hình ba tuyến phòng vệ” nhằm mục đích xây dựng và kiểm tra việc quản trị rủi ro và các hoạt động kiểm soát tại Công ty.

Biểu đồ 5: Mô hình ba tuyến phòng vệ



- **Tuyến phòng vệ thứ nhất** thuộc cấp phòng ban, cụ thể: Trưởng phòng và cán bộ trực tiếp tác nghiệp là những người sở hữu và quản lý rủi ro hàng ngày. Họ có trách nhiệm:
 - Tác nghiệp tuân thủ theo đúng quy trình, quy định của Công ty; và thực hiện các biện pháp để xử lý các yếu kém trong kiểm soát/quy trình;

- Duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả và thực hiện các hoạt động hàng ngày liên quan đến rủi ro và kiểm soát.
- Xác định, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, hướng dẫn việc xây dựng và triển khai các chính sách và quy trình nội bộ đảm bảo các hoạt động thống nhất với mục tiêu đề ra.
- **Tuyến phòng vệ thứ hai** là các bộ phận khối Tuân thủ: Kiểm tra nội bộ, Pháp chế và Quản trị rủi ro. Nhiệm vụ chính của các bộ phận này gồm:
 - Độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của hệ thống QTRR ở tuyến phòng thủ thứ nhất;
 - Thực hiện QTRR cấp doanh nghiệp thông qua việc xây dựng khung và chính sách QTRR; khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp; quy trình hoạt động và chốt kiểm soát để giảm thiểu rủi ro...
 - Giám sát và cảnh báo tới cấp quản lý những rủi ro có khả năng xảy ra và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh;
 - Xây dựng văn hóa QTRR toàn doanh nghiệp và đào tạo về QTRR;
- **Tuyến phòng vệ thứ ba** là bộ phận Kiểm toán nội bộ, đây là bộ phận trực thuộc Ban Kiểm soát và không thuộc Ban Điều hành của doanh nghiệp. Với vị trí độc lập và khách quan trong tổ chức, Kiểm toán nội bộ mang đến sự đảm bảo toàn diện cho Hội đồng quản trị và Ban Điều hành về tính hiệu quả của cơ cấu quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Như vậy, để QTRR nói chung và tuyến 3 hàng phòng vệ nói riêng được triển khai hiệu quả, BSC đã thực hiện (i) phân định rõ vai trò – trách nhiệm QTRR của từng cấp trong doanh nghiệp; và (ii) đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng đắn vai trò – trách nhiệm của mỗi cấp như sau:

Bảng 9: Vai trò quản trị rủi ro theo cấp quản lý

| Cấp quản lý | Vai trò |
|-------------------|---|
| Hội đồng quản trị | <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra triết lý quản trị rủi ro và phê duyệt khẩu vị rủi ro - Giám sát và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống QTRR trong tổ chức - Rà soát danh mục rủi ro và cân nhắc với khẩu vị rủi ro |
| Ban Lãnh | <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai và chỉ đạo chính sách, quy trình đã được HĐQT phê |

| Cấp quản lý | Vai trò |
|----------------------|--|
| đạo | duyệt <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc tuân thủ với các chính sách và quy trình |
| BP. Quản trị rủi ro | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập chính sách cho quản trị rủi ro - Xác định vai trò – trách nhiệm và đề ra các mục tiêu triển khai - Tư vấn về quản trị rủi ro cho các bộ phận trong công ty - Thực hiện báo cáo hoạt động QTRR |
| Trưởng các phòng ban | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quản lý rủi ro trong hoạt động hàng ngày - Báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất các khuyến nghị cải thiện hoạt động - Nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro trong hoạt động phòng mình |
| Cán bộ nhân viên | <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ quy trình hoạt động và các hạn mức quy định trong công việc hàng ngày |

Khung quản trị rủi ro

Mô hình QTRR cấp doanh nghiệp của BSC được thiết kế dựa trên 03 mục tiêu chính: (i) chiến lược; (ii) hoạt động; và (iii) báo cáo & tuân thủ. Mô hình này được áp dụng cho mọi hoạt động ở tất cả các cấp độ trong tổ chức; và bao gồm 08 thành phần có liên hệ với nhau, cụ thể:

| | |
|--------------------|--|
| Môi trường nội bộ | - Xác định triết lý; khẩu vị rủi ro, giá trị đạo đức và môi trường làm việc của doanh nghiệp |
| Thiết lập mục tiêu | - Xác định các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp |
| Xác định sự kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định những sự kiện nội bộ và bên ngoài có ảnh hưởng đến mục tiêu của doanh nghiệp - Phân biệt giữa rủi ro và cơ hội; từ đó đánh giá lại cơ hội từ góc độ chiến lược và mục tiêu |

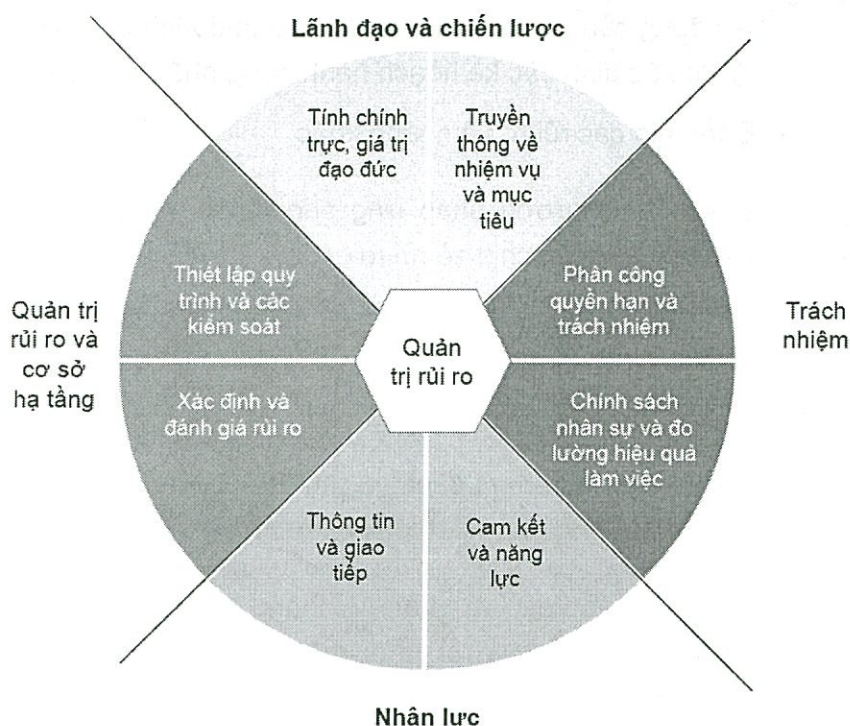
| | |
|-----------------------|--|
| Đánh giá rủi ro | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích rủi ro; và đánh giá khả năng xảy ra và mức độ tác động của rủi ro đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; từ đó xác định các kế hoạch hành động nhằm giảm thiểu rủi ro - Đánh giá các rủi ro tiềm tàng khác |
| Phản ứng với rủi ro | <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn phương pháp ứng phó rủi ro: né tránh, chấp nhận, giảm thiểu hoặc chia sẻ rủi ro - Xây dựng hồ sơ rủi ro và các kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro phù hợp với khẩu vị rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp |
| Hoạt động kiểm soát | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các chính sách và thủ tục QTRR nhằm đảm bảo các hoạt động ứng phó rủi ro được thực hiện một cách hiệu quả |
| Thông tin và liên lạc | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định, báo cáo và phản hồi thông tin liên quan đến các rủi ro và biện pháp xử lý rủi ro được trao đổi trong thời gian hợp lý giữa các cấp, đơn vị, phòng ban của doanh nghiệp |
| Giám sát | <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát hoạt động QTRR cấp doanh nghiệp thường xuyên và đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập hoặc sửa đổi các quy định, chính sách khi cần thiết |

Văn hóa quản trị rủi ro doanh nghiệp

Văn hóa QTRR doanh nghiệp thể hiện cách thức một doanh nghiệp hoạt động nhìn từ góc độ rủi ro và tuân thủ. Vì vậy, BSC rất chú trọng việc xây dựng và phát triển văn hóa QTRR doanh nghiệp. Cụ thể, văn hóa QTRR được thiết lập từ tiếng nói của lãnh đạo cao nhất; xây dựng văn hóa mà trong đó QTRR cấp doanh nghiệp đóng vai trò là một công cụ thúc đẩy đối thoại về rủi ro ở tất cả các cấp để tối đa hóa hiệu quả và QTRR trong ngưỡng chấp nhận rủi ro.



Biểu đồ 6: Văn hóa quản trị rủi ro



Môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, biến đổi liên tục, và chứa đựng nhiều rủi ro. Trong thời gian gần đây khủng hoảng, suy thoái kinh tế và bê bối tài chính xảy ra ngày càng nhiều và quy mô ngày càng lớn, đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Vì vậy, vai trò của quản trị rủi ro ngày càng được nhắc đến nhiều hơn trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Tại BSC, với định hướng phát triển bền vững, trở thành công ty chứng khoán top 3 trên thị trường, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty hiểu rõ và quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh và thống nhất, đảm bảo việc chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng, quản lý rủi ro, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa những tổn thất do các rủi ro gây ra, và tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, BSC xây dựng và triển khai “mô hình ba tuyến phòng vệ quản trị rủi ro”. Mô hình này cho phép phân tách trách nhiệm giữa các khối kinh doanh và khối tuân thủ; đồng thời vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và khẩu vị về quản trị rủi ro của BSC. Trong đó, Bộ phận Quản trị rủi ro thuộc tuyến phòng vệ thứ hai trong chiến lược quản trị rủi ro thống nhất và toàn diện. Dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, Bộ phận Quản trị rủi ro đã thực hiện:

- Độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của hệ thống QTRR ở tuyến phòng thủ thứ nhất;

- Thực hiện QTRR cấp doanh nghiệp thông qua việc xây dựng khung và chính sách QTRR; khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp; quy trình hoạt động và chốt kiểm soát để giảm thiểu rủi ro...
- Giám sát và cảnh báo tới cấp quản lý những rủi ro có khả năng xảy ra và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh;
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật; và tham vấn ý kiến của các cơ quan quản lý và xin ý kiến hướng dẫn bổ sung trong trường hợp chưa có các quy định hoặc các quy định chưa rõ ràng;
- Xây dựng văn hóa QTRR toàn doanh nghiệp và đào tạo về QTRR

6.5. Hoạt động marketing

Là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên ra đời cùng với thời điểm mở cửa thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam cách đây 18 năm, BSC đang ngày càng khẳng định vị thế của một định chế tài chính tiên phong, chuyên nghiệp trong cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng những yêu cầu khắt khe của các khách hàng trong và ngoài nước.

Với chiến lược định vị “Giá trị người tiên phong”, BSC chú trọng đến việc duy trì và nâng cao hình ảnh của Công ty ở tất cả các hoạt động kinh doanh. BSC luôn lấy nền tảng phát triển của khách hàng là giá trị phát triển bền vững của mình. Bất kì một nhu cầu của khách hàng, BSC đều quan niệm phải đáp ứng được ở mức tối ưu. BSC không chọn cung cấp các dịch vụ có sẵn trong danh mục mà luôn trọng tâm đến khâu “thiết kế” để cung cấp được các sản phẩm, dịch vụ riêng biệt, phù hợp đặc thù của từng khách hàng. Sự khác biệt của BSC là lấy yếu tố chất lượng sản phẩm, dịch vụ làm nền tảng phát triển, không theo đuổi chính sách giảm giá phí dịch vụ.

Với đội ngũ nhân sự nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, khách hàng có thể cảm nhận được “Giá trị người tiên phong” ngay từ khâu tư vấn, lập kế hoạch bài bản, thái độ phục vụ, chăm sóc khách hàng tận tụy và trên hết là sự tạo lập quan hệ lâu dài với khách hàng kể cả khi kết thúc giao dịch, qua đó đảm bảo lợi ích hài hòa cho khách hàng.

- Sự đầu tư, chăm chút cẩn thận các sản phẩm, dịch vụ của BSC đã được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận bằng nhiều giải thưởng uy tín như: TOP 10 đơn vị thành viên tiêu biểu của HNX và HSX, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì đã có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Thị trường chứng khoán giai đoạn 2009 - 2014, Giải thưởng “Vietnam’s Best Debt Capital Market House năm 2015, 2017” do Tạp chí Finance Asia bình chọn, Giải

thưởng Best Bond House in Vietnam/ Best Equity House in Vietnam 2015 do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn, Giải thưởng “Best Investment Management 2016, 2017” do tạp chí World Finance bình chọn.

- Bên cạnh hoạt động kinh doanh, BSC luôn chú trọng xây dựng hình ảnh thành viên tích cực của thị trường trong các hoạt động xã hội. Ngoài ra, BSC cũng nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Từ năm 2015 đến nay, BSC tiếp tục là đơn vị tài trợ cho cuộc thi Go Finance – cuộc thi với quy mô lớn tại Hà Nội, mở ra nhiều cơ hội cho các sinh viên kinh tế trẻ tham gia vào TTCK Việt Nam trong tương lai, tăng cường liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và trường học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

6.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

BSC đang triển khai xây dựng thương hiệu bao gồm hai giai đoạn.

GIẢI ĐOẠN 1: Chiến lược xây dựng thương hiệu “Từ trong ra ngoài”

Với lập luận mọi thứ xuất phát từ “Tâm”, BSC xây dựng không chỉ một diện mạo mới thông qua hệ thống nhận diện thương hiệu chuyên nghiệp hơn mà còn mang cả những giá trị về con người, dịch vụ từ tâm huyết nội bộ của BSC để lan tỏa tới khách hàng.

Đây là giai đoạn truyền thông từng bước tiến tới tổng thể. BSC chú trọng xây dựng bộ nhận diện thương hiệu một cách chi tiết, bao phủ tất cả các nội dung, xây dựng bộ quy chuẩn (cẩm nang) về nhận diện thương hiệu. Việc này cần được làm đồng bộ với website về phong cách, màu sắc, tính cách thương hiệu.

BSC cải tiến tổng thể về thiết kế văn phòng theo phong cách, màu sắc phù hợp với thương hiệu hơn, tổ chức đào tạo các bộ phận khối Front về phong cách, tác phong khi giao tiếp với khách hàng, xây dựng quy trình làm việc tinh gọn để khiến chính nhân viên BSC cảm thấy thoải mái, tự tin khi giao dịch, công tác.

Giai đoạn này sẽ được triển khai một cách nhanh chóng và quy mô, tập trung vào những thông điệp cụ thể liên quan tới “bản sắc”, “văn hóa doanh nghiệp”,... Song song với đó là xây dựng lộ trình truyền thông hỗ trợ sự thay đổi này, khẳng định với khách hàng, đối tác, nhà đầu tư về một BSC đang lột xác, trở nên chuyên nghiệp hơn và có bản sắc hơn.

GIẢI ĐOẠN 2: Chiến lược định vị “Giá trị người tiên phong”

BSC vốn được biết đến là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam, bởi vậy, cần phải xây dựng “Giá trị người tiên phong” với việc thiết kế nên những thông điệp, hình ảnh về một “người lãnh đạo”, chỉ đường cho các hoạt động

tài chính, tiền tệ. Giá trị của “người đi đầu” chính là kinh nghiệm. Ngoài việc đảm nhận các thương vụ lớn, dịch vụ nổi bật, BSC còn là “người” được các nhà đầu tư, cổ đông tin nhiệm với kinh nghiệm thương trường, cùng với đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia phân tích có chuyên môn, tâm huyết,...

Để tạo được “Giá trị cảm nhận” này, thương hiệu BSC cần được làm đồng bộ, có thông điệp rõ ràng theo từng giai đoạn và tới từng đối tượng công chúng nhất định. Tập trung khai thác góc độ khách quan, đưa ra lời nhận xét tích cực của các cổ đông là các thương hiệu lớn, sự chứng nhận của các cơ quan nhà nước, phản hồi dịch vụ của khách hàng,... đăng tải các nhận định này trên báo chí, các phương tiện truyền thông công cộng khác.

Hiện nay, logo chính thức của BSC như sau:



Nhãn hiệu của Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam được đăng ký theo Giấy chứng nhận số 2070/2010/QTG ngày 12/07/2010 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cục bản quyền tác giả cấp.

6.7. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Các hợp đồng lớn tại BSC

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Tên dự án | Lĩnh vực | Loại dịch vụ | Giá trị ước tính (trđ) | Thời gian thực hiện |
|-----|--|------------------|--------------------|------------------------|----------------------|
| 1 | Tư vấn cổ phần hóa cho Tổng Công ty Bến Thành | Tư vấn tài chính | Tư vấn cổ phần hóa | 800 | Trong năm 2016, 2017 |
| 2 | Tư vấn cổ phần hóa cho Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn | Tư vấn tài chính | Tư vấn cổ phần hóa | 600 | Trong năm 2016, 2017 |
| 3 | Tư vấn cổ phần hóa cho Tổng Công ty Cấp | Tư vấn tài chính | Tư vấn cổ phần | 800 | Trong năm 2017, 2018 |

| STT | Tên dự án | Lĩnh vực | Loại dịch vụ | Giá trị ước tính (trđ) | Thời gian thực hiện |
|-----|---|------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------|
| | nước Sài Gòn | | hóa | | |
| 4 | Tư vấn phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc | Tư vấn tài chính | Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu | 4.700 | Trong năm 2017 |
| 5 | Tư vấn phát hành trái phiếu cho Công ty CP Đường Biên Hòa | Tư vấn tài chính | Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu | 3.800 | Trong năm 2017 |
| 6 | Tư vấn phát hành trái phiếu cho Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh | Tư vấn tài chính | Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu | 2.600 | Trong năm 2017 |
| 7 | Tư vấn phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | Tư vấn tài chính | Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu | 12.225 | Trong năm 2016 |
| 8 | Tư vấn chào bán chiến lược cho CTCP Eurowindows | Tư vấn tài chính | M&A | 6.817 | Trong năm 2016 |
| 9 | Tư vấn cho tập đoàn CJ – Hàn Quốc | Tư vấn tài chính | M&A | 5.100 | Trong năm 2016 |
| 10 | Tư vấn phát hành cổ phiếu ESOP và tăng vốn cho cổ đông hiện hữu của Long Giang Land | Tư vấn tài chính | Tư vấn thị trường vốn | 150 | Trong năm 2016, 2017 |
| 11 | Tư vấn xây dựng cấu trúc tài chính cho Công | Tư vấn tài chính | Cấu trúc tài chính | 300 | Trong năm 2017 |

| STT | Tên dự án | Lĩnh vực | Loại dịch vụ | Giá trị ước tính (trđ) | Thời gian thực hiện |
|-----|--|------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|
| | ty TNHH Thép Việt pháp | | | | |
| 12 | Tư vấn chào bán ra công chúng và niêm yết Upcom cho CTCP Dược và trang thiết bị Y tế Bình Định | Tư vấn tài chính | Tư vấn thị trường vốn | 320 | Trong năm 2016 |

Nguồn: BSC

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh 2015, 2016 và 9 tháng 2017

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | % tăng giảm 2016/2015 | 9T/2017 |
|----------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|-----------|
| Tổng giá trị tài sản | 2.118.659 | 1.445.954 | (31,8)% | 1,860,654 |
| Vốn chủ sở hữu | 869.135 | 983.935 | 13,2% | 1,120,954 |
| Vốn điều lệ | 865.000 | 902.191 | 4,3% | 929,885 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 101.543 | 125.973 | 24,1% | 171,198 |
| Lợi nhuận khác | (53) | 27 | 150,9% | (98) |
| Lợi nhuận trước thuế | 101.491 | 126.000 | 24,1% | 171,101 |
| Lợi nhuận sau thuế | 101.491 | 115.042 | 13,4% | 146,172 |
| Tỷ lệ trả cổ tức (theo mệnh giá) | 0,0% | 7,5% | | |
| Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng | 267% | 695% | | 461% |

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | % tăng giảm 2016/2015 | 9T/2017 |
|---|-------|-------|--------------------------|---------|
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 12,4% | 12,4% | | |

Nguồn: BSC.

Vốn chủ sở hữu tăng 13,2% từ 869,1 tỷ đồng năm 2015 lên 983,9 tỷ đồng năm 2016 nhờ lợi nhuận kinh doanh tốt. Tới thời điểm cuối tháng 9/2017, vốn chủ sở hữu đã tăng 28,7%, đạt 1.860,7 tỷ đồng.

Vốn điều lệ của công ty tăng từ 865 tỷ đồng năm 2015 lên 902,2 tỷ đồng năm 2016 qua hình thức tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu 4,3 % để đáp ứng điều kiện cung cấp sản phẩm dịch vụ phái sinh. Trong 9 tháng đầu năm 2017, Công ty tiếp tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2016 với tỷ lệ 3,07% và đã hoàn thành mục tiêu trả cổ tức năm 2016 theo tỷ lệ đã được ĐHCĐ phê duyệt.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng mạnh (24,1%) trong năm 2015 so với 2016. Lợi nhuận đạt 146.2 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2017 nhờ sự sôi động của thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư hiệu quả.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Quy mô thị trường chứng khoán tăng mạnh: Năm 2015 quy mô vốn hóa hai sàn HNX và HSX đạt 1.295 nghìn tỷ VND tương đương 34% GDP Việt Nam. Quy mô vốn hóa cuối năm 2016 đạt 1.642 nghìn tỷ VND, tương đương 37% GDP và tăng 27% so với năm 2015. Quy mô thị trường tăng thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước sẽ tạo thuận lợi cho công ty chứng khoán nói chung và BSC nói riêng.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh: Giá trị giao dịch bình quân phiên (GTGDBQ phiên) tăng khá mạnh. GTGDBQ phiên 2016 đạt 3.040 tỷ đồng/phiên, tăng 19,4% so với năm 2015. GTGDBQ phiên 6 tháng đầu năm 2017 đạt 4.508 tỷ đồng/ phiên tăng 48,3% so với năm 2016. Thanh khoản thị trường tăng tác động trực tiếp vào lợi nhuận môi giới của BSC.

Chỉ số thị trường tăng trưởng vượt bậc: Vnindex liên tục tăng cao trong giai đoạn gần đây. Chỉ số đạt 579,1 cuối năm 2015, tăng 14,7% và đạt 664,2 điểm năm 2016. Tính tới thời điểm cuối tháng 6 năm 2017, chỉ số Vnindex đã đạt 773,5 điểm tương

ứng với mức tăng 16,5%. Chỉ số phản ánh phần nào hiệu quả đầu tư chung của thị trường.

Hàng loạt các qui định chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán :

- Nghị định 60/2015/NĐ-CP về nơi room cho nhà đầu tư nước ngoài đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư nước ngoài và khuyến khích hoạt động M&A phát triển.
- Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn gồm Thông tư 123/2015 – Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK; Thông tư 155/2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK; Thông tư 162/2015 – Hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu; và Thông tư 180/2015 Hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.
- Đặc biệt Thông tư 203/2015/TT-BTC thay thế thông tư 74/2011/TT-BTC hướng dẫn giao dịch chứng khoán với nội dung quan trọng cho phép nhà đầu tư vừa mua và bán chứng khoán tại cùng thời điểm giao dịch, được bán chứng khoán chờ về, được thực hiện giao dịch cùng một loại chứng khoán trong ngày, rút ngắn thời gian giao dịch chứng khoán, ... đã góp phần cải thiện mạnh mẽ vòng quay đầu tư và cho phép thực hiện bán khống ở cấp độ thấp qua đó thúc đẩy mạnh thanh khoản trên thị trường.

Sự ra đời của nhiều sản phẩm mới: Nghị định 42/2015/NĐ-CP tạo nền tảng cho sự phát triển thị trường phái sinh của TTCK Việt Nam. Thị trường phái sinh dự kiến hoạt động trong năm 2017 với 2 sản phẩm Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. Công cụ này mở ra kênh đầu tư mới cho nhà đầu tư, doanh nghiệp có thêm công cụ kinh doanh chênh lệch và phòng ngừa rủi ro và cơ hội nâng cao hiệu suất sử dụng đòn bẩy tài chính. Sau bước đi thận trọng này, thị trường sẽ còn đón nhiều sản phẩm mới như chứng quyền có đảm bảo, hợp đồng quyền chọn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành khác

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Về mảng môi giới cổ phiếu: là thành viên tham gia thị trường chứng khoán ngay từ những ngày đầu thị trường bắt đầu hoạt động, BSC là một trong các công ty chứng khoán TOP đầu thị trường về môi giới cổ phiếu. Cùng với sự tăng trưởng về quy

mô, thị phần môi giới cổ phiếu của BSC liên tục tăng trưởng, ngày càng nâng cao vị thế của BSC trên thị trường. Trong các năm trở lại đây, thị phần BSC thường xuyên lọt vào TOP 10 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ cao nhất sàn HSX, HNX và UPCOM. Bình quân 2016, thị phần môi giới CP/CCQ của BSC đứng thứ 7 sàn HSX, đạt 4,19%. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2017, thị phần BSC tiếp tục duy trì trong TOP 10 của sàn.

Về mảng môi giới trái phiếu: BSC là thành viên tích cực của VBMA (Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam) và liên tục giữ vững vị trí số 1 trong các công ty có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất thị trường trong các năm gần đây, đồng thời, là thành viên có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất sàn HNX.

Về mảng Ngân hàng đầu tư: Với hàng loạt các thương vụ lớn thành công không chỉ đem tới cho BSC nguồn thu mà còn cả danh tiếng thị trường. Bộ phận tư vấn tái chính tại BSC bao gồm các chuyên gia đã có nhiều kinh nghiệm thực hiện các thương vụ lớn và tên tuổi. Năm 2015 đánh dấu sự thành công của nghiệp vụ ngân hàng đầu tư với việc ghi nhận doanh thu lên tới 92,9 tỷ đồng, trở thành một trong số ít CTCK có doanh thu nghiệp vụ ngân hàng đầu tư lớn. Năm 2016 doanh thu có phần giảm sút nhưng gắn với các bước phát triển vượt bậc là các thương vụ M&A danh tiếng: Tư vấn M&A cho tập đoàn Eurowindow, tư vấn M&A cho tập đoàn CJ.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng thị trường vĩ mô

Sau khi đã tăng trưởng lại trong năm 2016, GDP được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi trong năm 2017. Mức tăng trưởng 6,6% của GDP trong năm 2017 có thể đạt được khi giá dầu thô trung bình năm 2017 được kỳ vọng phục hồi về mức 55 USD/thùng đi cùng sự phục hồi của ngành nông nghiệp và tăng trưởng ổn định của công nghiệp sản xuất, chế biến chế tạo.

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam ước tính sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định bất chấp những vấn đề từ TPP và Brexit nhờ những hiệp định thương mại tiềm năng mới. Tăng trưởng xuất khẩu bền vững của khối FDI cũng sẽ giúp giữ cân cán thương mại tiếp tục thặng dư trong năm 2017. Áp dụng mô hình Arima (2,0,0) cho dữ liệu nhập khẩu và Arima (1,0,1) cho dữ liệu xuất khẩu, dự báo tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong năm 2017 sẽ ở mức 354 tỷ USD trong khi cán cân thương mại sẽ thặng dư gần 4 tỷ USD (trong trường hợp không có biến động lớn).

Nợ công và nợ chính phủ nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong năm 2017, tuy nhiên, nhờ (1) GDP danh nghĩa phục hồi và (2) Chính phủ có thêm nguồn thu từ thoái vốn các doanh nghiệp Nhà nước, mức độ tăng của nợ công sẽ được kiềm chế lại.

Bảng 12: Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

| Chỉ tiêu | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017E |
|--|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| GDP YoY (%) | 5,2 | 5,4 | 6 | 6,7 | 6,2 | 6,6 |
| Lạm phát (%) | 9,09 | 6,59 | 4,08 | 0,62 | 4,8 | 4,5 - 6 |
| Thâm hụt cán cân thương mại (tỷ USD) | 0,78 | 0,86 | 2,14 | (3,54) | 2,4 | 4 |
| Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (tỷ USD) | 228 | 263 | 298 | 327 | 346,6 | 354 |
| Tỷ giá hối đoái (VND/USD) | 20.840 | 21.095 | 21.388 | 22.485 | 22.755 | 23.200 |
| Nợ công/GDP (%) | 50,6 | 54,2 | 59,6 | 61,3 | 63 | 64,5 |
| Tăng trưởng tín dụng (%) | 8,91 | 12,51 | 14,16 | 17,29 | 18 | 18 |
| FDI thực hiện (tỷ USD) | 10,5 | 11,5 | 12,4 | 14,5 | 16 | 17 |
| FDI đăng ký (tỷ USD) | 13 | 21,6 | 20,2 | 22,76 | 19,1 | 20 |

Nguồn : BSC tổng hợp

Triển vọng thị trường chứng khoán

Qui mô thị trường: Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu có thể đạt khoảng 70% GDP đến năm 2020. Quá trình cổ phần hóa và thoái vốn các Doanh nghiệp sở hữu nhà nước trong thời gian tới sẽ được đẩy nhanh, gián tiếp khuyến khích tăng quy mô và hiệu quả của thị trường chứng khoán.

Thanh khoản thị trường: Tốc độ tăng trưởng thị trường chứng khoán trong các năm gần đây thể hiện đà tăng trưởng tốt của thanh khoản. Dự kiến sự ổn định KTVM cộng với tác động tích cực từ qui mô thị trường và sự ra mắt của các sản phẩm mới, thanh khoản sẽ tiếp tục tăng cao.

Các chính sách hỗ trợ: các chính sách hỗ trợ như Nghị định 60/2015/NĐ-CP thu hút nhà đầu tư nước ngoài, Nghị định 42/2015/NĐ-CP phát triển thêm sản phẩm mới, Thông tư 203/2015/TT-BTC tăng tính thanh khoản và hấp dẫn của thị trường sẽ giúp thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển. Hơn nữa, liên tục có các chính sách hỗ



trợ thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán trong tương lai. Hiện tại thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chỉ đang trong giai đoạn phát triển và chưa được xếp hạng là thị trường chứng khoán mới nổi, tiềm năng của thị trường còn rất lớn. Có được sự quan tâm của các cơ quan quản lý sẽ thúc đẩy thị trường phát triển nhanh chóng.

8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với vai trò cung cấp vốn cho nền kinh tế, cung cấp môi trường đầu tư, định giá doanh nghiệp, tạo môi trường thực hiện các chính sách vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán các nước trên thế giới là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển của quốc gia. Dù quy mô còn hạn chế nhưng điều đó cũng thể hiện tiềm năng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai. Hiện tại thị trường chứng khoán Việt Nam luôn được nhà nước quan tâm phát triển để dần dần cải thiện và đạt được chuẩn mực quốc tế, trở thành kênh huy động vốn hiệu quả, công bằng với các nhà đầu tư.

Đối với thị trường quốc tế, với quy mô lớn và sản phẩm đa dạng, thị trường chứng khoán vẫn tiếp tục phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các bên tham gia.

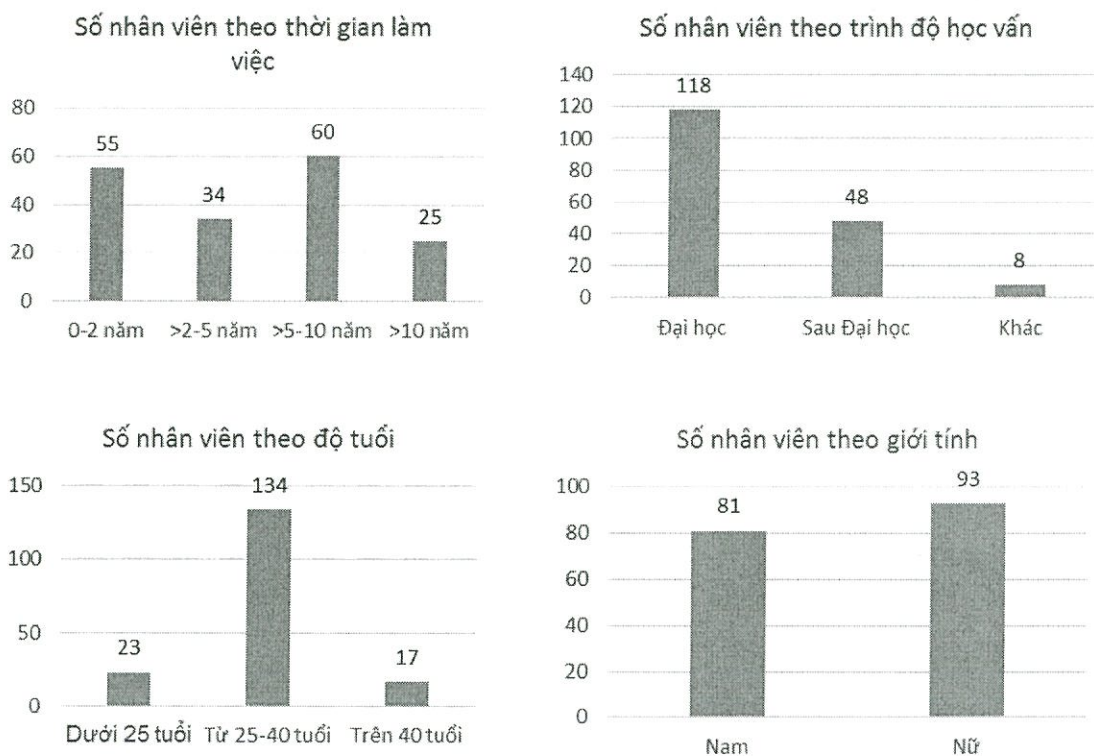
BSC với mục tiêu phát triển thành công ty chứng khoán hàng đầu, chủ trương tiên phong đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Định hướng phát triển của BSC phù hợp với định hướng, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu lao động

CÁC THỐNG KÊ VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Biểu đồ 7: Cơ cấu nguồn nhân lực tại BSC tại thời điểm 31/12/2016



Handwritten signature

Tỷ lệ phần trăm (%) số người trong ban lãnh đạo của BSC theo các tiêu thức:

Bảng 13: Ban Điều hành chia theo giới tính và nhóm tuổi

| Nhóm tuổi | Nam | Tỷ trọng | Nữ | Tỷ trọng |
|-------------------|-----|----------|----|----------|
| Dưới 30 tuổi | 0 | 0% | 0 | 0% |
| Từ 30 đến 50 tuổi | 1 | 33% | 1 | 33% |
| Trên 50 tuổi | 1 | 33% | 0 | 0% |

Nguồn: BSC

Số lượng các khiếu nại về lao động đã nhận, xử lý và giải quyết thông qua các cơ chế chính thức về xử lý khiếu nại: Năm 2016 tại BSC không phát sinh.

Tỷ lệ phần trăm (%) và tổng số các thỏa thuận đầu tư lớn có đề cập tới các điều khoản về quyền con người hoặc đã được sàng lọc về vấn đề nhân quyền: Năm 2016 tại BSC không phát sinh.

Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động: 100% người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ thông qua chỉ tiêu KPI được phân giao và đánh giá hàng tháng, quý, năm. Trong đó, phân hạng theo giới tính gồm 81 nam chiếm 46,55% và 93 nữ chiếm 53,45%.

QUAN ĐIỂM CỦA BSC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Một trong các yếu tố then chốt của sự thành công trong kinh doanh là năng lực của đội ngũ nhân viên. Vì vậy BSC luôn phấn đấu không ngừng để hỗ trợ tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và nâng cao các kỹ năng cũng như kiến thức chuyên môn. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của BSC. Tại đây, các nhân viên được khuyến khích để khám phá và phát huy hết tiềm năng của bản thân. Mọi lĩnh vực liên quan đến nhân lực đều được quản lý bởi Bộ phận Nhân sự thông qua các chính sách, các chương trình đào tạo và giám sát, các hoạt động xây dựng mục tiêu phát triển cho từng cá nhân và thiết lập các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPIs). Chính sách nhân sự được lưu giữ, thông tin đa chiều và được cập nhật thường xuyên.

Con người là tài sản quý giá nhất trong bất cứ ngành dịch vụ nào, đặc biệt là ngành dịch vụ tài chính như chứng khoán. Một doanh nghiệp chỉ có thể phát huy được hết tiềm năng khi họ biết thu hút, khuyến khích và giữ chân những nhân viên giỏi nhất cũng như đặt họ vào đúng chỗ, đúng thời điểm để phát triển;

Hoạt động kinh doanh chứng khoán sẽ ngày càng tiệm cận đến các sản phẩm tài chính có hàm lượng chất xám và tri thức cao, do đó yêu cầu về kiến thức, khả năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp phải được đặt lên hàng đầu.

9.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

9.2.1. Chính sách đào tạo và phát triển

Là đơn vị cung cấp các dịch vụ tài chính trên thị trường chứng khoán, với chiến lược xây dựng nguồn nhân lực trở thành năng lực cốt lõi tạo nền tảng cho sự phát triển của Công ty, BSC chủ trương đào tạo và rèn luyện đội ngũ cán bộ trực tiếp thông qua những công việc thực tế nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn cũng như thúc đẩy khả năng sáng tạo của từng cán bộ.

Bên cạnh đó, hàng năm BSC cũng định kỳ xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ để đáp ứng các yêu cầu mới trong kế hoạch phát triển của Công ty. Thông qua các hoạt động này cũng tạo ra sự gắn bó và cam kết lâu dài của lực lượng nhân sự với Công ty. Công tác đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty từng năm và thời kỳ đồng thời tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật (do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện). Các khóa đào tạo cũng được tổ chức theo hướng thực hiện, gắn liền các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Công tác đào tạo của BSC cũng được xác định là công tác tạo động lực, khuyến khích cán bộ học tập nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cũng như các kỹ năng hỗ trợ làm việc cho hiệu quả, từ đó tăng cường sự gắn bó giữa cán bộ với Công ty. Từ năm 2014-nay BSC tổ chức các khóa đào tạo: chứng chỉ hành nghề, kế toán quản trị cho khối Tư vấn Đầu tư, Tư vấn tài chính, chính sách thuế và các chuyên đề CPA cho khối Tài chính Kế toán, các khóa học về chuẩn hóa data Oracle, bảo mật... cho khối IT...

BSC có các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ở tất cả các cấp bậc. Việc này đảm bảo rằng nhân viên sẽ có kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ hiện tại của họ, và cũng khuyến khích họ tiếp tục phát triển sự nghiệp của họ với BSC. BSC đưa ra nhiều cơ hội đào tạo, giáo dục và phát triển cho các nhân viên ở mọi cấp độ để chuẩn bị cho công việc của ngày hôm nay và vượt qua các thách thức của ngày mai. Kết nối các nhân viên với các thông tin để hỗ trợ

họ trong việc xây dựng sự nghiệp và giúp các nhân viên tận dụng hết các cơ hội tại BSC.

BSC luôn khuyến khích các nhân viên theo học thêm các chứng chỉ chuyên nghiệp. Ví dụ, các giao dịch viên môi giới, nhân sự khối tư vấn tài chính, phân tích, tự doanh, QTRR,.. được yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán và BSC cũng khuyến khích các nhân viên đạt được các chứng chỉ chuyên nghiệp như CFA hoặc CPA.

Để duy trì sự thành công và tiếp tục mang lại dịch vụ chất lượng cao hơn cho khách hàng, BSC xác định phải luôn đi tiên phong về mặt kiến thức và công nghệ. Vì vậy, BSC xác định việc đầu tư vào đào tạo và các cơ hội phát triển cá nhân là lâu dài, tổ chức các buổi đào tạo và phát triển cho các nhà lãnh đạo tiềm năng từ lực lượng nhân sự hiện tại của BSC.

Loại hình, phạm vi các chương trình đào tạo và hỗ trợ nhân viên đã được thực hiện:

Bảng 14: Các khóa đào tạo và tư vấn tại BSC

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung học | Đối tượng đào tạo | Chi phí học (triệu VNĐ) |
|----------|--|---|-------------------------|
| I | Lớp đào tạo trực tiếp | | 450 |
| 1 | Oracle Certified Associate | Toàn bộ cán bộ phòng CNTT | 75 |
| 2 | Vmware Certified Professional | Nhóm hệ thống phòng CNTT | 24 |
| 3 | Certified Ethical Hacker | Nhóm hệ thống phòng CNTT | 24 |
| 4 | Đào tạo nâng cao nghiệp vụ về kế toán doanh nghiệp | Các phòng: Tư vấn tài chính, Phân tích nghiên cứu, Phát triển sản phẩm, khối Tư vấn đầu tư... | 56 |
| 5 | Ôn thi kiểm toán viên và kế toán | Kế toán, Kiểm soát nội bộ | 25 |

| | | | |
|----|--|-----------------|--------------|
| | viên CPA của BIDV | | |
| 6 | Chứng chỉ hành nghề chứng khoán | Toàn thể cán bộ | 37 |
| 7 | Hình thức đào tạo khác (quản trị, pháp lý, quản trị rủi ro, thị trường chứng khoán...) | Cán bộ BSC | 209 |
| II | Các hình thức đào tạo thông qua đơn vị tư vấn | | 2.400 |
| 1 | Tư vấn chiến lược kế hoạch kinh doanh, tư vấn chiến lược công nghệ thông tin | | 2.400 |
| | Tổng cộng | | 2.850 |

BSC luôn xác định công tác phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực mà còn giúp mỗi cán bộ nhân viên thấm nhuần văn hóa Công ty, tăng cường sự gắn bó giữa Công ty với người lao động.

Trong năm 2016, các khóa đào tạo nâng cao tay nghề người lao động đã được Công ty phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp, có uy tín tổ chức như: đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chiến lược M&A, nâng cao năng lực phân tích kinh tế xã hội, phân tích tài chính ngân hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các khóa tự đào tạo cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, quy chế quy định về tổ chức hoạt động trong Công ty, nhằm giúp các cá nhân nhanh chóng hòa nhập với hoạt động của Công ty.

Các chương trình đào tạo kỹ năng quản lý, tổ chức công việc cho các cấp Lãnh đạo và các hoạt động phát triển tinh thần đồng đội, kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm hiệu quả cũng thường xuyên được triển khai

9.2.1. Chính sách lương thưởng

Việc trả lương, trả thưởng cho người lao động trong Công ty được thực hiện theo Quy chế trả lương thưởng của Công ty.

Các hình thức trả lương bao gồm:

- ✓ Trả lương theo vị trí công việc;



- ✓ Trả lương theo hiệu suất công việc;
- ✓ Trả lương cho thành tựu đóng góp, cải tiến cho công ty.

Trả thưởng: Tùy vào mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Công ty có mức thưởng vượt năng suất kỳ vọng mục tiêu.

9.2.2. Chính sách trợ cấp phúc lợi

BSC đưa ra nhiều chương trình nhằm nâng cao sức khỏe và phúc lợi của nhân viên:

- Khám sức khỏe hàng năm, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe.
- Chương trình du lịch, các kỳ nghỉ mát, chơi thể thao, các hoạt động cộng đồng, tết thiếu nhi, trung thu... để đảm bảo cân bằng giữa công việc và cuộc sống cho cán bộ.
- Hỗ trợ về nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày, cán bộ điều động.
- Các chương trình khác giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhân viên và gia đình với Công ty như: hỗ trợ kinh phí điều trị các bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi là con em cán bộ làm việc tại BSC, khen thưởng cán bộ tuân thủ tốt lối sống văn phòng xanh...

Bảng 15: Tổng hợp thu nhập lương thưởng, phúc lợi của cán bộ BSC năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| Nội dung | 2016 | 2015 | %2016/2015 |
|---|----------------|----------------|------------|
| 1. Lương (Khoán, KPI, thêm giờ) | 63.548.406.782 | 55.101.358.457 | 115,33% |
| - Khối Môi giới | 21.217.593.314 | 16.630.172.153 | 127,58% |
| - KPI | 41.900.000.000 | 37.921.100.000 | 110,49% |
| - Thêm giờ | 430.813.468 | 550.086.304 | 78,32% |
| 2. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn | 3.930.412.063 | 2.546.090.940 | 154,37% |
| 3. Bảo hiểm thất nghiệp | 178.655.094 | 115.731.406 | 154,37% |

| | | | |
|---|---------------|---------------|---------|
| 4. Các khoản chi có tính chất phúc lợi khác | 7.378.251.152 | 4.293.515.183 | 171,85% |
|---|---------------|---------------|---------|

Nguồn: BSC

10. Chính sách cổ tức

“Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

Năm 2016, BSC thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 4,3%/vốn điều lệ. Tiếp đó, 9 tháng đầu năm 2017 BSC thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu phần còn lại của năm 2016 với tỷ lệ 3,07%/vốn điều lệ.

Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 là 6%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

- Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014.
- Từ năm 2015 trở về trước, BSC áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC.

11.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 16: Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Số dư | | |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Ngày 31/12/2015 | Ngày 31/12/2016 | Ngày 30/09/2017 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 865.241.713.457 | 902.432.863.457 | 930.126.633.457 |
| a. Vốn góp của CSH | 865.000.000.000 | 902.191.150.000 | 929.884.920.000 |
| b. Thặng dư vốn cổ phần | 241.713.457 | 241.713.457 | 241.713.457 |
| 2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ | 207.782.726 | 5.959.872.250 | 5.959.872.250 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 207.782.726 | 5.959.872.250 | 5.959.872.250 |
| 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 3.478.089.065 | 69.582.550.506 | 178.907.651.218 |
| TỔNG CỘNG | 869.135.367.974 | 983.935.158.463 | 1.120.954.029.175 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

11.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

BSC áp dụng tỷ lệ khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Máy móc thiết bị : | 5 – 10 năm |
| Phương tiện vận tải : | 6 - 15 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác : | 4 năm |

b. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản từ 2-20 năm.

11.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân tại BSC (không tính khối Môi giới hưởng lương theo sản phẩm, không tính các khoản chi có tính chất phúc lợi) là 19,3 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức lương tương đối cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng quy mô trong ngành.



11.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 6 tháng. Tính đến thời điểm 30/09/2017, Công ty không có các khoản vay dài hạn. Số dư các khoản vay ngắn hạn của công ty như sau:

Bảng 17: Dư nợ ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

| Khoản mục | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 30/09/2017 |
|-------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 623.600.000.000 | 249.500.000.000 | 200.000.000.000 |
| Nợ ngắn hạn khác | 625.923.342.920 | 212.518.357.206 | 539.699.735.162 |
| Tổng nợ ngắn hạn | 1.249.523.342.920 | 462.018.357.206 | 739.699.735.162 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

11.1.5. Các khoản phải nộp theo luật

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm 30/09/2017 như sau:

Bảng 18: Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước

Đơn vị tính: VNĐ

| Khoản mục | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 30/09/2017 |
|----------------------------|---------------|----------------|---------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 774.595.960 | 0 | 50.988.067 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 10.957.973.281 | 5.030.581.777 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 307.296.208 | 400.907.910 | 278.087.353 |
| Các loại thuế khác | 1.904.981.257 | 2.580.480.067 | 3.442.997.104 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

11.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ được BSC thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và các văn bản pháp luật hiện hành. Chi tiết số liệu như sau:

Bảng 19: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | Nội dung | Cho năm tài chính 2015 | Cho năm tài chính 2016 |
|----|--------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 0 | 9.153.000.000 |

Ghi chú: Quỹ KTPL do ĐHĐCĐ quyết định mức trích. Quỹ KTPL cho năm tài chính 2016 được ĐHĐCĐ thường niên 2017 quyết định theo nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 và công ty hạch toán vào ngày 28/04/2017.

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

11.1.7. Tổng dư nợ

Dưới đây là số dư các khoản nợ ngắn hạn, dài hạn tại ngày 31/12/2015; 31/12/2016 và 30/09/2017:

Bảng 20: Dư nợ ngắn và dài hạn

Đơn vị: VNĐ

| Khoản mục | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 30/09/2017 |
|-------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 1.249.523.342.920 | 462.018.357.206 | 739.699.735.162 |
| Nợ dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Tổng dư nợ | 1.249.523.342.920 | 462.018.357.206 | 739.699.735.162 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

11.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2015; 31/12/2016 và 30/09/2017:

Bảng 21: Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ



| <i>Khoản mục</i> | <i>31/12/2015</i> | <i>31/12/2016</i> | <i>30/09/2017</i> |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính | 3.107.420.000 | 14.945.333.000 | 17.160.877.000 |
| 2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 7.135.894.981 | 1.688.628.798 | 1.759.148.745 |
| 3. Phải thu khác | 269.819.366 | 299.166.640 | 15.074.760 |
| 4. Dự phòng phải thu khó đòi | (177.612.373) | (391.157.322) | (21.000.000) |
| Tổng cộng | 10.335.521.974 | 16.541.971.116 | 18.914.100.505 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

b. Các khoản phải trả

Bảng 22: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: VNĐ

| | <i>31/12/2015</i> | <i>31/12/2016</i> | <i>30/09/2017</i> |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn | 623.600.000.000 | 249.500.000.000 | 200.000.000.000 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 545.072.520.000 | 51.620.500.000 | 428.438.500.000 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 59.777.261.722 | 115.583.129.268 | 56.424.870.325 |
| Phải trả người bán | 2.260.446.410 | 4.073.893.672 | 10.678.905.794 |
| Người mua trả tiền trước | 1.454.338.206 | 1.737.669.723 | 1.533.334.478 |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 2.986.873.425 | 13.939.361.258 | 8.802.654.301 |
| Phải trả khác | 14.371.903.157 | 25.563.803.285 | 25.505.618.148 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 30/09/2017

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2015 | 2016 | 9T 2017 |
|--|--------|-------|-------|------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,66 | 2,95 | 2,31 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,59 | 0,32 | 0,40 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,44 | 0,47 | 0,66 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/doanh thu hoạt động | % | 20,6% | 17,8% | 36,1% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 12,4% | 12,4% | |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 5,1% | 6,5% | |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân | % | 24,9% | 36,3% | |

Nguồn: BSC

11.3. Báo cáo về tỷ lệ an toàn tài chính

Bảng 24: Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn tài chính

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | 2015 | 2016 | 30/9/2017 |
|-----|--------------------------------|-----------------|----------------|----------------|
| 1 | Tổng giá trị rủi ro thị trường | 244.904.414.363 | 47.835.810.754 | 93.886.753.113 |
| 2 | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | 4.718.908.806 | 28.934.759.610 | 26.896.372.292 |

| | | | | |
|---|--|-----------------|-------------------|-------------------|
| 3 | Tổng giá trị rủi ro hoạt động | 83.406.915.907 | 70.637.055.213 | 125.483.018.360 |
| 4 | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) | 333.030.239.076 | 147.407.625.577 | 246.266.143.766 |
| 5 | Vốn khả dụng | 888.826.181.412 | 1.025.097.682.167 | 1.136.124.990.249 |
| 6 | Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%) | 267% | 695% | 461% |
| | | | | |

Nguồn: BSC

Theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. BSC luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng Quản trị

12.1.1. Danh sách các thành viên HĐQT

| Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | CMND/Hộ chiếu |
|------------------|-------------------|----------|---------------|
| Đoàn Ánh Sáng | Chủ tịch HĐQT | 1961 | 210111747 |
| Đỗ Huy Hoài | Phó Chủ tịch HĐQT | 1963 | 011133055 |
| Lê Ngọc Lâm | Thành viên HĐQT | 1975 | 011893263 |
| Nguyễn Thiều Sơn | Thành viên HĐQT | 1975 | 012996373 |

12.1.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

a. Chủ tịch HĐQT

| | |
|------------|---------------|
| Họ và tên: | Đoàn Ánh Sáng |
|------------|---------------|

| | |
|-------------------------|--|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 02/03/1961 |
| Nơi sinh: | Bình Định |
| Số CMND: | 025776076 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 09/1983 - 09/1989 | Cán bộ - BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 09/1989 - 12/1990 | Phó Trưởng phòng – BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 01/01/1991 - 30/12/1991 | Phó trưởng phòng Phụ trách phòng – BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 12/1991 - 12/1993 | Trưởng phòng – BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 01/1994 - 09/1999 | Phó Giám đốc - BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 10/1999 - 02/2000 | Quyền Giám đốc - BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 03/2000 - 11/2001 | Giám đốc - BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 11/2001 - 06/2002 | Giám đốc - BIDV BÌNH ĐỊNH |
| 06/2002 - 10/2002 | Phó Giám đốc - CHI NHÁNH BIDV SỞ GIAO DỊCH 2 |
| 10/2002 - 10/2002 | Phó Giám đốc điều hành - CHI NHÁNH BIDV SỞ GIAO DỊCH 2 |
| 10/2002 - 01/2013 | Giám đốc - CHI NHÁNH BIDV SỞ GIAO DỊCH 2 |
| 01/2013- nay | Phó Tổng giám đốc - TRỤ SỞ CHÍNH – BIDV Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) Chủ tịch HĐQT Công ty lương thực Campuchia – Việt |



| | |
|--|--|
| | nam (Cavifood) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán BIDV |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Chủ tịch HĐQT |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| ✓ Đại diện sở hữu | 32.777.514 cổ phiếu, tương đương 35,25% tỷ lệ cổ phiếu của BSC |
| ✓ Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

b. Phó Chủ tịch HĐQT

| | |
|------------|-------------|
| Họ và tên: | Đỗ Huy Hoài |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 30/10/1963 |
| Nơi sinh: | Thanh Hóa |
| Số CMND: | 011133055 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |

| | |
|------------------------------|--|
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 1988 - 1990 | CB Tập sự phòng Kinh tế kỹ thuật, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Hà nội |
| 1990 - 1996 | CB chính thức P.Kinh tế đối ngoại và TT Quốc tế, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Hà nội |
| 1997 - 1999 | Phó Trưởng phòng kinh tế đối ngoại và Thanh toán Quốc tế, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Hà nội |
| 1999 - 2000 | Trưởng phòng quản lý khách hàng, Sở Giao Dịch BIDV |
| 2000 - 2001 | Trưởng phòng nghiệp vụ, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) |
| 15/1/2001 - 2/6/2001 | Trưởng phòng quản lý khách hàng, Sở Giao dịch BIDV |
| 2001 - 2003 | Trưởng phòng tín dụng 2, Sở Giao dịch BIDV |
| 2003 - 2005 | Phó Giám đốc Sở Giao dịch BIDV |
| 2005 - 2006 | Giám đốc chi nhánh, BIDV chi nhánh Quang Trung |
| 2007 - 2010 | Giám Đốc, Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| Từ 01/01/2011- nay | Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc |



| | |
|--|---|
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 24.583.136 cổ phiếu tương ứng 26,43% tỷ lệ cổ phiếu của BSC |
| Cá nhân sở hữu | 2.257 cổ phiếu, tương ứng 0,00% cổ phiếu đang lưu hành |

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

| STT | Họ và tên | Số cổ phần | Tỷ lệ % tổng số lượng cổ phiếu lưu hành | Mối quan hệ |
|-----|---------------|------------|---|-------------|
| 01 | Lê Phương Lan | 30.189 | 0,0324% | Vợ |

| | |
|------------------------------------|----------|
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

c. Thành viên HĐQT

| | |
|------------|-------------|
| Họ và tên: | Lê Ngọc Lâm |
| Giới tính: | Nam |

| | |
|-----------------------|--|
| Ngày sinh: | 23/07/1975 |
| Nơi sinh: | Hà Nội |
| Số CMND: | 001075008069 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 09/1997-07/2002 | Chuyên viên phòng Tín dụng 2, Hội sở chính, BIDV |
| 08/2002-07/2004 | Tham gia chuyên trách Ban dự án Hiện đại hóa, BIDV |
| 08/2004-12/2004 | Chuyên viên phòng Tín dụng 2 |
| 01/2005-05/2006 | Phó TP Phòng tín dụng 2, Ban Tín dụng- BIDV |
| 06/2006-07/2007 | Phó TP Phòng Pháp chế Tín dụng, Ban tín dụng, Hội sở chính BIDV |
| 08/2007-08/2008 | Trưởng phòng Pháp chế Tín dụng, Ban Tín dụng, Hội sở chính BIDV |
| 09/2008-02/2009 | Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng 1, Ban Quản lý rủi ro tín dụng BIDV |
| 03/2009-09/2010 | Phó Giám đốc, Ban Quản lý rủi ro tín dụng BIDV |
| 10/2010-03/2012 | Phó Giám đốc, chi nhánh SGD1 BIDV |
| 04/2012-03/2013 | Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng- BIDV |
| 04/2013-01/2015 | Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp- BIDV |
| 01/2015-nay | Phó Tổng Giám đốc BIDV |
| 11/2013-04/2015 | Ủy viên HĐQT Tổng công ty bảo hiểm BIDV và Công ty CP chứng khoán BIDV |

| | |
|--|--|
| 01/06/2012-nay | Thành viên thường trực HĐQT ngân hàng VID Public Bank |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Thành viên HĐQT |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | 12.291.555 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 13,22% cổ phiếu của BSC |
| Đại diện sở hữu | 12.291.555 cổ phiếu |
| Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

| | |
|----------------------|--|
| Họ và tên: | Nguyễn Thiệu Sơn |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 05/09/1975 |
| Nơi sinh: | Hà Nội |
| Số CMND: | 012996373 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ Quản trị Tài chính - Ngân hàng |

| | |
|--|---|
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 1997-2000 | Chuyên viên, Hội sở chính BIDV |
| 2000-2002 | Kế toán tổng hợp, phụ trách Kiểm soát nội bộ, Chi nhánh Ngân hàng Liên doanh Lào Việt, tại Vientiane, Lào |
| 2002-2005 | Phó Phòng Tài chính Kế toán, Hội sở chính ngân hàng Lào Việt, tại Vientiane, Lào |
| 2005 | Phó Phòng thanh toán, Hội sở chính BIDV |
| 2005-2006 | Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Chi nhánh BIDV Hậu Giang |
| 02/2006-04/2012 | Kế toán trưởng, Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV, Vietnam Partners |
| 12/2012-03/2015 | Thành viên Ban kiểm soát công ty cổ phần Điện Việt Lào |
| 07/2014-nay | Thành viên HĐQT, Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính BIDV |
| 05/2012-nay | Phó Giám đốc Ban, Ban Quản lý Đầu tư- BIDV |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Thành viên HĐQT |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 12.291.555 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 13,22% cổ phiếu của BSC |
| Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |

1-
 NG
 PH
 B KH
 NGI
 ATT
 TNA
 M-

| | |
|------------------------------------|----------|
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

12.2. Ban kiểm soát

12.2.1. *Danh sách Kiểm soát viên*

Thông tin chi tiết về Kiểm soát viên được trình bày dưới đây:

| Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | CMND/Hộ chiếu |
|--------------------|----------------------|----------|---------------|
| Bà Phạm Thanh Thủy | Trưởng Ban kiểm soát | 1974 | 011860231 |
| Bà Hoàng Thị Hương | Kiểm soát viên | 1974 | 013309534 |
| Ông Trần Minh Hải | Kiểm soát viên | 1973 | 011676909 |

12.2.2. *Sơ yếu lý lịch Kiểm soát viên*

a. Trưởng Ban kiểm soát

| | |
|------------|-----------------|
| Họ và tên: | Phạm Thanh Thủy |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày sinh: | 22/07/1974 |

| | |
|---|---|
| Nơi sinh: | Hà Nội |
| Số CMND: | 011860231 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ kinh tế |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 1995 -2001 | Giao dịch viên, Sở giao dịch 1 NHĐT&PT Việt Nam |
| 2001 -2003 | Trưởng quỹ, Sở giao dịch 1 NHĐT&PT Việt Nam |
| 2003 - 2004 | Phó phòng phụ trách phòng, Phòng DVKH NHĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành |
| 2005 -2006 | Trưởng phòng, Phòng GD Bách Khoa NHĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành |
| 2007 - 2/2009 | Trưởng phòng, Phòng TCKT NHĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành |
| 3/2009 – 6/ 2013 | Phó Giám đốc, NHĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành |
| 7/2013 - nay | Phó Giám đốc, Ban tài chính - NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Trưởng Ban kiểm soát |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 0 |
| Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ | Không có |



| | |
|------------------------------------|----------|
| chức phát hành: | |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

b. Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------|--|
| Họ và tên: | Hoàng Thị Hương |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày sinh: | 21/11/1974 |
| Nơi sinh: | Lai Châu |
| Số CMND: | 013309534 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | Số nhà 36/135 Nguyễn văn Cừ, Long Biên, Hà nội |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ kinh tế |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 1997 -2003 | Chuyên viên, phó TP Nguồn vốn kinh doanh, Ngân hàng ĐT&PT Việt nam – Chi nhánh Thăng Long |
| 2003-2007 | Chuyên viên, Phó Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ, trưởng phòng Kiểm tra nội bộ, Ngân hàng ĐT&PT Việt nam – Chi nhánh Bắc Hà nội |
| 2007- đến nay | Phó trưởng phòng, Ban kiểm soát, Trưởng phòng Ban Kiểm tra và giám sát, Phó Giám đốc Ban Kiểm tra và |

| | |
|--|---|
| | Giám sát, Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Thành viên Ban kiểm soát |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 0 |
| Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

c. Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------|---------------------------|
| Họ và tên: | Trần Minh Hải |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 28/05/1973 |
| Nơi sinh: | Hà Nội |
| Số CMND: | 011676909 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kế toán ngân hàng |
| Kinh nghiệm làm việc: | |



| | |
|--|---|
| 09/1997-12/2000 | Chuyên viên kế toán, phòng Tài chính Kế toán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 01/2001-05/2005 | Chuyên viên kế toán, phòng Kế toán Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 06/2005-12/2006 | Phó phòng kế toán, Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 01/2007-03/2011 | Chuyên viên kiểm tra nội bộ, phòng Kiểm tra nội bộ, Công ty chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 08/2011-nay | Chuyên viên kiểm tra nội bộ, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Thành viên Ban kiểm soát |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 0 |
| Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

12.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

12.3.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | CMND/Hộ chiếu |
|----------------------|-------------------|----------|---------------|
| Ông Đỗ Huy Hoài | Tổng Giám đốc | 1963 | 011133055 |
| Ông Lê Quang Huy | Phó Tổng Giám đốc | 1978 | 011796088 |
| Bà Ngô Thị Phong Lan | Phó Tổng Giám đốc | 1978 | 023915915 |
| Bà Trần Ngọc Diệp | Kế toán trưởng | 1984 | 168129491 |

12.3.2. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc

Họ và tên: Đỗ Huy Hoài

(Xem sơ yếu lý lịch tại phần 12.1.2)

b. Phó Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------|---|
| Họ và tên: | Lê Quang Huy |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 17/03/1978 |
| Nơi sinh: | Hà Nội |
| Số CMND: | 011796088 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kế toán ngân hàng |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 2002 - 2005 | Chuyên viên tín dụng Sở giao dịch 1 – Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 2005 - 2007 | Phó trưởng phòng tín dụng – Chi nhánh BIDV Quang |

| | |
|--|--|
| | Trung |
| 2007 - 2008 | Phó trưởng phòng Đầu tư và tư vấn tài chính - Công ty chứng khoán BIDV |
| 2008 - 2010 | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính - Công ty chứng khoán BIDV |
| 2010 – 05/2012 | Trưởng phòng Tụ doanh - Công ty chứng khoán BIDV |
| 05/2012-nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Phó Tổng giám đốc |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 0 |
| Cá nhân sở hữu | 0 |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

c. Phó Tổng Giám đốc

| | |
|------------|-------------------|
| Họ và tên: | Ngô Thị Phong Lan |
| Giới tính: | Nữ |

| | |
|---|---|
| Ngày sinh: | 19/11/1978 |
| Nơi sinh: | An Giang |
| Số CMND: | 023915915 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 15/6/2001 - 31/5/2005 | Chuyên viên P.Phân tích Chi nhánh Công ty BSC |
| 1/6/2005 - 14/12/2006 | Phó Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển Chi nhánh công ty BSC |
| 15/12/2006 - 31/5/2007 | Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển Chi nhánh công ty BSC |
| 1/6/2007 - 31/12/2010 | Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính Chi nhánh công ty BSC |
| 1/1/2011 - 16/3/2011 | Trưởng phòng Tư vấn tài chính Chi nhánh công ty BSC |
| 17/3/2011 đến 14/6/2014 | Tổng Giám đốc công ty Chứng khoán CVS |
| 15/6/2014 - 26/10/2014 | Trợ lý Tổng Giám đốc BSC |
| 27/10/2014 - nay | Phó Tổng Giám đốc BSC kiêm Giám đốc chi nhánh BSC |
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Phó Tổng giám đốc |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 0 |
| Cá nhân sở hữu | 10.751 cổ phiếu tương đương 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành |



| | |
|--|----------|
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

d. Kế toán trưởng

| | |
|-------------------------|---|
| Họ và tên: | Trần Ngọc Diệp |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày sinh: | 27/04/1984 |
| Nơi sinh: | Hà Nam |
| Số CMND: | 035184000301 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân tài chính ngân hàng |
| Kinh nghiệm làm việc: | |
| 11/2007 đến 20/3/2011 | Chuyên viên phòng Tài chính kế toán |
| 21/3/2011 - 31/01/2013 | Phó Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán Hội sở BSC |
| 01/02/2013 - 28/11/2016 | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng TCKT Hội sở BSC |
| 28/11/2016 - nay | Kế toán trưởng, Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |

| | |
|--|--|
| Chức vụ đang nắm giữ tại BSC | Kế toán trưởng |
| Tổng số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/09/2017) | |
| Đại diện sở hữu | 0 |
| Cá nhân sở hữu | 1.289 cổ phiếu chiếm 0,00% số cổ phiếu đang lưu hành |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành: | Không có |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

13. Tình hình tài sản

Bảng 25: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2017

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%) |
|-----------|---------------------------------|---------------|-----------------|---------------------------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 17.492 | 6.271 | 35,85% |
| 1 | Máy móc thiết bị | 16.088 | 6.210 | 38,06% |
| 2 | Phương tiện vận tải | 1.004 | 0 | 0,30% |
| 3 | Tài sản cố định hữu hình khác | 400 | 61 | 15,25% |
| II | Tài sản cố định vô hình | 2.783 | 1.454 | 52,25% |
| | Tổng cộng | 20.275 | 7.725 | 38,10% |

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Khoản mục | 2017E | 2018E | Tăng giảm so với 2017 |
|-----|--------------------------|---------|-----------|-----------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 477.714 | 420.472 | (12)% |
| 2 | Thu nhập trước thuế | 187.835 | 145.196 | (23)% |
| 3 | Thu nhập sau thuế | 150.268 | 116.157 | (23)% |
| 4 | Vốn chủ sở hữu bình quân | 944.696 | 1.071.519 | 13% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế trên | 31% | 28% | |

| STT | Khoản mục | 2017E | 2018E | Tăng giảm so với 2017 |
|-----|--|-------|-------|-----------------------|
| | doanh thu | | | |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân | 16% | 11% | |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức (theo mệnh giá) | 6% | 7% | |

Nguồn: BSC

Mục tiêu định hướng của BSC trong 03 năm tới:

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn non trẻ và đang phát triển. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, BSC luôn nỗ lực tập trung để tạo ra sự khác biệt với các đối thủ.

Với lợi thế và thương hiệu về dịch vụ tư vấn, từ 2012 trở lại đây, BSC tiếp tục xác định nghiệp vụ IB (Ngân hàng đầu tư) là nghiệp vụ cơ bản và cốt lõi nhất, là trung tâm đầu mối thúc đẩy các nghiệp vụ khác theo nhiều khía cạnh khác nhau. Theo đó, Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành sẽ được đẩy mạnh phát triển để kết nối các khối phòng kinh doanh tại BSC nhằm phát huy bán chéo sản phẩm, khai thác triệt để thông tin khách hàng và nâng cao hiệu quả toàn diện:

- **Khối Tư vấn tài chính:** Xác định lấy bộ phận Tư vấn tài chính làm cốt lõi – đóng vai trò dẫn dắt cho các nghiệp vụ khác trên thị trường thứ cấp (bao gồm Môi giới, Tự doanh, Trái phiếu, Phân tích), phấn đấu vị trí TOP 3.
- **Khối Môi giới:** Tập trung tư vấn theo chiều sâu, coi trọng mục tiêu gia tăng lợi nhuận cho khách hàng, phấn đấu vị trí TOP 10 thị phần môi giới cổ phiếu, TOP 3 thị phần môi giới trái phiếu.
- **Khối Tự doanh:** Là kênh kết nối trực tiếp BSC với thị trường hiệu quả và uy tín, thực hiện vai trò tạo lập thị trường, hỗ trợ và thúc đẩy cho các nghiệp vụ Môi giới và Tư vấn tài chính phát triển.

Xác định lấy hoạt động dịch vụ làm nền tảng, làm điểm bứt phá, Môi giới và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư tiếp tục được coi là nghiệp vụ cần được phát triển trong thời gian tới. Hai hoạt động này sẽ đem lại nguồn thu ổn định cho BSC trong cả ngắn và dài hạn. Ngoài ra, để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển bứt phá, hoạt động đầu tư



cũng cần có những bước chuẩn bị cần thiết ngay trong giai đoạn tới để BSC có thể tận dụng được các cơ hội thị trường đem lại lợi nhuận hiệu quả trong tương lai.

14.2. Căn cứ để Công ty đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Giai đoạn 5 năm 2017-2021 là giai đoạn phát triển mới của BSC với mục tiêu xây dựng hệ thống mạnh mẽ về qui mô và chất lượng. Trong đó, giai đoạn đầu 2017 – 2018 là khoảng thời gian quan trọng BSC cần tận dụng để thúc đẩy việc tái cơ cấu các hoạt động, hoàn thiện các nền tảng cơ bản, đảm bảo sự phát triển bứt phá trong các năm tiếp theo. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2017-2018 nêu trên được xây dựng dựa trên mô hình hoạt động hiện tại của BSC, dữ liệu hoạt động quá khứ và các giả định về điều kiện kinh doanh, thị trường chứng khoán trong các năm tới. Lợi nhuận của BSC đến từ các mảng nghiệp vụ: Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, Môi giới và Đầu tư.

Khối Ngân hàng đầu tư:

BSC xác định IB là nghiệp vụ cốt lõi trong định hướng phát triển của công ty. Doanh thu tư vấn tài chính gồm: “Tư vấn phát hành trái phiếu”, “Tư vấn M&A” và “Tư vấn niêm yết và cổ phần hóa, thoái vốn”. Trong đó Tư vấn phát hành trái phiếu tiếp tục sẽ là nguồn đem lại doanh thu nhiều nhất cho khối tư vấn tài chính và sẽ tiếp tục tăng. Doanh thu tư vấn M&A và cổ phần hóa, niêm yết, thoái vốn dự kiến sẽ có sự tăng trưởng tốt cùng với sự phát triển của qui mô thị trường chứng khoán, số lượng các vụ mua bán sáp nhập và cổ phần hóa, niêm yết, thoái vốn sẽ tăng lên nhanh và tạo cơ hội tốt cho TVTC BSC. Nhờ tạo được uy tín và tiếng vang trong giai đoạn trước, trong các năm tiếp theo, doanh thu hai mảng hoạt động này được kỳ vọng sẽ tăng trưởng ở mức 10%.

Khối Đầu tư

Trái phiếu:

BSC có lợi thế và vị thế trong nghiệp vụ môi giới và đầu tư trái phiếu. Kết quả này đã được xác lập thông qua vị trí môi giới top đầu trên thị trường trái phiếu Chính phủ. Mảng đầu tư trái phiếu Chính phủ cũng thường xuyên đóng góp tỷ trọng từ 20%-30% vào kết quả chung của Công ty. Trong 2 năm tới mảng đầu tư trái phiếu Chính phủ tiếp tục là kênh sinh lời an toàn hiệu quả của BSC.

Cổ phiếu

Cùng với kỳ vọng về sự thuận lợi của thị trường, BSC xác định số dư danh mục được xây dựng tăng dần qua các năm. Chính sách quản trị rủi ro và chính sách đầu tư được định hướng xây dựng an toàn nhằm tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ hoạt

động đầu tư. Do vậy, mức kỳ vọng lợi nhuận trong năm 2018 theo kế hoạch sẽ không duy trì cao như năm 2017.

Khởi Môi giới

Môi giới là hoạt động dịch vụ có tính chất ổn định và mang lại nguồn thu lớn cho công ty chứng khoán. Nâng cao thị phần không chỉ đem lại doanh số mà còn góp phần xây dựng thương hiệu cho Công ty. BSC luôn chú trọng hoạt động môi giới và định hướng phát triển môi giới đóng vai trò là nguồn thu chính cho Công ty.

Môi giới cổ phiếu

Các giả định xây dựng kế hoạch kinh doanh môi giới cổ phiếu cụ thể như sau:

Thị phần: với điều kiện thị trường ngày càng cạnh tranh. BSC dự kiến đặt mức thị phần tăng trưởng 3% trong giai đoạn từ 2017-2018.

Giá trị giao dịch bình quân thị trường: Được dự đoán dựa trên tăng trưởng bình quân các năm trong quá khứ và điều chỉnh với các giả thiết về tốc độ tăng trưởng vốn hóa, lộ trình vốn hóa các DN lớn, sự xuất hiện của thị trường phái sinh,... Với kỳ vọng thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ trong tương lai, nhất là khi thị trường phái sinh đi vào hoạt động ổn định, BSC chủ động đặt mức giả định tăng trưởng cao với GTGDBQ thị trường từ năm 2019. Tuy nhiên, dự báo thanh khoản thị trường trong năm 2018 sẽ không cao như năm 2017 nên doanh thu từ mảng môi giới của BSC năm 2018 sẽ điều chỉnh giảm so với năm 2017.

Môi giới trái phiếu

Môi giới trái phiếu Chính phủ của BSC từ 2013 trở lại đây luôn giữ vững vị trí TOP 1, 2 thị trường. Dù thị trường trái phiếu bao gồm nhiều nhà đầu tư là các tổ chức tài chính lớn, hoàn toàn có thể tự tham gia mà không cần môi giới trung gian, nhưng với qui mô ngày càng tăng cộng với sản phẩm ngày càng đa dạng, BSC kỳ vọng giá trị giao dịch trái phiếu môi giới tại BSC sẽ có sự gia tăng đáng kể trong 2 năm tới.

Cho vay ký quỹ

Cho vay đầu tư chứng khoán có tác dụng tương hỗ với hoạt động môi giới chứng khoán. Lượng vốn cho vay và điều kiện cho vay luôn đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng thị phần. Tuy nhiên, hoạt động này cũng đi liền với rủi ro nợ xấu. Xác định duy trì lượng cho vay tăng trưởng ở mức vừa phải, kết hợp với việc hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro trong các năm sắp tới, BSC xây dựng kế hoạch tài chính cho hoạt động cho vay cụ thể như sau :

H
A
I
A
V

Số dư cho vay: Tổng số dư cho vay tăng trưởng nhẹ khoảng 15% trong năm 2017 tuy nhiên sẽ giảm xuống khoảng 15% trong năm 2018 do thị trường chứng khoán 2018 sẽ khó giữ được mức tăng trưởng như năm 2017.

Lãi suất cho vay: Lãi suất vay sẽ có xu hướng giảm dần theo thời gian do áp lực cạnh tranh của thị trường. Lãi vay được đặt giả thiết giảm dần từ 11,5% năm 2017 xuống 10,5% trong năm 2018.

15. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán

Dự kiến trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện niêm yết bổ sung số cổ phiếu đã chào bán theo đúng quy định của Pháp luật.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Từ năm 2013 đến nay, ĐHCĐ giao Hội đồng quản trị Công ty tìm kiếm, lựa chọn nhân sự phù hợp giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị độc lập để vừa đáp ứng đúng quy định của pháp luật về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của Công ty, các cổ đông, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động của Công ty. Các tiêu chuẩn trở thành thành viên HĐQT độc lập bao gồm:

- Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và không phải là người có liên quan với những người trên;
- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

HĐQT BSC đã tìm kiếm được ứng viên đáp ứng đủ yêu cầu dự kiến trình ĐHCĐ thường niên 2018 phê duyệt.

17. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần.

3. Một số thông tin chung

- **Tổng số cổ phần dự kiến chào bán** theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-HĐQT ngày 05/10/2017 là 10.000.000 (mười triệu) cổ phiếu.
- Phương thức chào bán: Chào bán ra công chúng theo hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Công ty cam kết đảm bảo đối tượng chào bán tuân thủ đúng quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp ("*công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần công ty mẹ, các công ty con trong cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo nhau*").
- Phương án xử lý số cổ phiếu chào bán không hết (nếu có): Trong trường hợp Công ty chào bán nhưng không bán hết số cổ phiếu như đăng ký thông qua đấu giá, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm, lựa chọn các nhà đầu tư khác và thực hiện phân phối số cổ phiếu chưa chào bán hết cho các nhà đầu tư (bao gồm cả những nhà đầu tư được chọn mua cổ phiếu thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015) với giá chào bán không thấp hơn mức giá đấu thành công thấp nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong đợt chào bán ra công chúng, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.
- Đăng ký niêm yết bổ sung: Toàn bộ số cổ phần chào bán thành công sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định pháp luật hiện hành.



4. Giá chào bán dự kiến

Giá khởi điểm đấu giá dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

Giá đấu giá khởi điểm được HĐQT Công ty xác định trên cơ sở căn cứ tình hình thị trường, quyền lợi của cổ đông và trên giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty tại thời điểm gần nhất.

- Giá trị sổ sách cổ phiếu BSI tại thời điểm 30/09/2017 là 12.055 đồng/cổ phiếu (theo BCTC tại ngày 30/09/2017).
- Giá giao dịch bình quân 60 phiên giao dịch gần nhất tính đến ngày 17/11/2017 là 14.436 đồng/cổ phiếu.

Để đảm bảo thành công của đợt phát hành, HĐQT Công ty đề xuất giá khởi điểm đấu giá là 10.000 đồng/CP.

6. Phương thức phân phối

- Số lượng cổ phần chào bán được đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Nguyên tắc xác định kết quả của cuộc đấu giá được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá bán cổ phần ra công chúng của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Trong trường hợp Công ty chào bán nhưng không bán hết số cổ phiếu như đăng ký thông qua đấu giá, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm kiếm, lựa chọn các nhà đầu tư khác và thực hiện phân phối số cổ phiếu chưa chào bán hết cho các nhà đầu tư (bao gồm cả những nhà đầu tư được chọn mua cổ phiếu thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015) với giá chào bán không thấp hơn mức giá đấu thành công thấp nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong đợt chào bán ra công chúng; đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành về điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng đối với số lượng cổ phiếu không bán hết và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến

- Việc phân phối số lượng cổ phiếu chào bán được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Tùy thuộc tình hình thực tế, Công ty có thể đề nghị UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

- Thời gian chào bán cổ phiếu dự kiến: Sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Dự kiến Quý IV.2017 - Quý I.2018.
- Các mốc thời gian dự kiến của chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán như sau:

| TT | Công việc | Thời gian dự kiến |
|----|--|---|
| 1 | Nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng | T |
| 2 | Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định | T+1 – T+7 |
| 3 | Nhà đầu tư có nhu cầu mua cổ phiếu đăng ký tham dự đấu giá | T+8 – T+27 |
| 4 | Nhà đầu tư đã đăng ký và đặt cọc thực hiện bỏ phiếu tham dự đấu giá | T+8 – T+32 |
| 5 | Tổ chức đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | T+34 |
| 6 | Trả tiền đặt cọc cho các Nhà đầu tư không trúng giá | T+35 – T+39 |
| 7 | Các Nhà đầu tư trúng giá thanh toán tiền mua cổ phiếu | T+35 – T+39 |
| 8 | Phân bổ số cổ phiếu không chào bán hết thông qua đấu giá (nếu có) | T+40 đến T+50 (có thể thay đổi tùy thuộc khả năng phân phối tại thời điểm chào bán) |
| 9 | BSC thực hiện Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu | T+51 đến T+55 |
| 10 | UBCKNN thông báo xác nhận kết quả chào bán | T+56 – T+58 |
| 11 | BSC thực hiện đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán | T+59 – T+80 |

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu; phương thức thanh toán; số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu cho các Nhà đầu tư



không trùng giá và các hướng dẫn chi tiết khác được Quy định cụ thể tại Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam sẽ được công bố cùng với Thông báo chào bán cổ phiếu sau khi BSC nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán từ UBCKNN và thống nhất Quy chế đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Do đó, giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP vào ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài tại công ty đại chúng được quy định như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không được vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c nói trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.



Theo quy định tại Điều 4, Nghị định 86/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016, Tổ chức nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện có thể sở hữu từ 51% trở lên vốn Điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

Như vậy, BSC không hạn chế tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phiếu BSI.

Tại thời điểm 15/09/2017, có 49 Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 8,55% vốn điều lệ của BSC.

10. Các hạn chế liên quan đến vấn đề chuyển nhượng

- Số cổ phần chào bán thông qua đấu giá là cổ phần phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phần không chào bán hết qua phương thức đấu giá công khai được Hội đồng quản trị chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ thời điểm hoàn thành đợt chào bán.
- Đối với các hạn chế về chuyển nhượng khác, Công ty đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

11. Các loại thuế liên quan

Phần trình bày về thuế trong Mục này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản cáo bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản cáo bạch. Những nội dung trình bày về thuế trong Mục này có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

11.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty

- Thuế thu nhập Doanh nghiệp:

Hiện nay Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

- Thuế GTGT:

Hầu hết các dịch vụ và sản phẩm của công ty không chịu thuế Giá trị Gia tăng theo quy định tại thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 21/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Các loại thuế khác:

Công ty tuân thủ theo Luật thuế hiện hành của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

TH
IG
PH
KI
TGT
TT
NAI
1-1

N

11.2. Các loại thuế liên quan đến Nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

- Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ cổ tức được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%
 - Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- ### - Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.
 - Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau: (i) Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ trái phiếu là 5%; và (ii) Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

- Thuế Giá trị Gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, cổ tức và thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị Gia tăng.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

| | |
|---------------|---|
| Chủ tài khoản | : Công ty Cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| Số tài khoản | : 0301000306279 |
| Tại ngân hàng | : Vietcombank, chi nhánh Hoàn Kiếm |

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nguồn vốn thu được sau khi phát hành thành công sẽ được ưu tiên sử dụng để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng an toàn, hiệu quả, phục vụ mục tiêu gia tăng thị phần toàn diện để tăng cường vị thế của BSC và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của BSC không bị suy giảm khi gia tăng quy mô.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Bảng 27: Kế hoạch sử dụng vốn

| Mục đích sử dụng vốn | Số tiền (VND) |
|------------------------|------------------------|
| Bổ sung vốn kinh doanh | 100.000.000.000 |
| Tổng cộng | 100.000.000.000 |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích hoặc thay đổi phương án sử dụng vốn so với phương án nêu trên để đảm bảo phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (+84.24) 3831 5100

Fax: (+84.24) 3831 5090

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Hoài

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Phạm Thanh Thủy

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đoàn Ánh Sáng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Ngọc Diệp

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập và hoạt động;

Phụ lục 2: Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị liên quan tới đợt phát hành cổ phiếu

Phụ lục 3: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Phụ lục 4: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016

Phụ lục 5: Báo cáo tài chính kiểm toán 30/06/2017

Phụ lục 6: Báo cáo tài chính 30/09/2017

Phụ lục 7: Các tài liệu khác liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch





**Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng
Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Website: www.bsc.com.vn

Trụ sở chính: Tầng 10,11 Toà tháp BIDV,
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722

Chi nhánh: Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ,
Q.1, Tp Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8886